

Tạp san

ISSN: 1859 - 0217

# KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

*Kinh biểu*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐẮK NÔNG - SỐ 03/2015







**Cơ quan thực hiện:**

Trung tâm Thông tin & Ứng dụng  
Khoa học Công nghệ

**Địa chỉ:**

Khu hành chính Sùng Đức,  
phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa,  
tỉnh Đắk Nông

Email: [ttkhendaknong@gmail.com](mailto:ttkhendaknong@gmail.com)

ĐT: 05013.704.226

Fax: 05013.547.877

**Chịu trách nhiệm xuất bản**

ThS. Phạm Ngọc Danh

Giám đốc Sở KH&CN

**Ban Biên tập**

Đình Văn Thuần

Trần Thị Mai Hoa

Nguyễn Thị Mai

**Thiết kế**

Xuân Thám

Ảnh bìa 1: Một số hình ảnh hoạt động  
gắn đây của Sở KH&CN

Ảnh: CTV

## Trong số này

- \* Quyết định ban hành quy định xây dựng và tổ chức hoạt động trạm cân đối chứng... 01
- \* Khoa học và công nghệ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông... 02
- \* Công tác thanh tra và kiểm tra chuyên đề năm 2015 về hàng đóng gói sẵn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. 05
- \* Sau 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X... 08
- \* Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học hướng đến phát triển nền nông, công nghiệp bền vững. 10
- \* Thực hành nông nghiệp tốt: Thực trạng và giải pháp thực hành nông nghiệp tốt tại Đắk Nông. 12
- \* Áp dụng tiến bộ kỹ thuật - nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa... 16
- \* Hồng hoa - Loài cây đa mục đích đầy triển vọng xóa đói giảm nghèo khu vực nông thôn miền núi. 19
- \* Tín ngưỡng, tôn giáo tại tỉnh Đắk Nông hiện nay. 22
- \* Sử dụng chế phẩm vi sinh vật đa chức năng và phân bón hữu cơ vi sinh vật đa chức năng... 28
- \* Những cảnh báo về tình hình thời tiết trong 3 tháng đầu vụ đông xuân năm 2015-2016... 32
- \* Triển vọng từ nghề trồng cây dược liệu. 36
- \* Nghiệm thu cấp tỉnh dự án: “Ứng dụng đồng bộ một số tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất...” 37
- \* Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh xét duyệt danh mục các nhiệm vụ khoa học... 39
- \* Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Đắk Nông. 39
- \* Đoàn công tác Dự án JICA - VNU BIOMASS thăm và làm việc tại Đắk Nông. 40



## QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH QUY ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẠM CÂN ĐỐI CHỨNG TẠI CÁC CHỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

Ngày 21/9/2015, UBND tỉnh Đắk Nông có Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND, ban hành Quy định xây dựng và tổ chức hoạt động Trạm cân đối chứng tại các chợ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, thay thế Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 11/01/2008 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc quy định xây dựng và hoạt động trạm cân đối chứng tại chợ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Theo đó, Quy định này quy định việc xây dựng và tổ chức hoạt động của Trạm cân đối chứng áp dụng cho các Trung tâm Thương mại, chợ hạng 1, hạng 2 và hạng 3 trong hệ thống mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh tại chợ, Trung tâm Thương mại, Ban quản lý chợ, Hợp tác xã kinh doanh quản lý chợ, doanh nghiệp quản lý chợ, người tiêu dùng và các cơ quan quản lý nhà nước về đo lường có liên quan.

Mục đích của Trạm cân đối chứng là phục vụ nhu cầu đối chứng của nhân dân nhằm đấu tranh chống gian lận trong thương mại bán lẻ, bảo vệ quyền lợi chính đáng người tiêu dùng, đảm bảo đo lường được thống nhất, chính xác; Phục vụ hoạt động quản lý và giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về đo lường, cơ quan quản lý thị trường, UBND các cấp, ban quản lý chợ, doanh nghiệp quản lý chợ, Trung tâm thương mại và người tiêu dùng.

Quy định gồm 5 Chương với 14 Điều, trong đó, Chương I - Quy định chung; Chương II - Xây dựng và hoạt động của Trạm cân đối chứng (Quy hoạch phát triển Trạm cân đối chứng; Quy mô Trạm cân đối chứng; Hoạt động của Trạm cân đối chứng; Kinh phí xây dựng và hoạt động của các Trạm cân đối chứng); Chương III - Quản lý hoạt động đo lường tại các chợ, Trung tâm thương mại (Quy định sử dụng phương tiện đo; Giới hạn thiếu cho phép về đo lường); Chương IV - Trách nhiệm triển khai xây dựng và quản lý Trạm cân đối chứng và Chương V - Điều khoản thi hành.

BBT



# KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GÓP PHẦN THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH ĐẮK NÔNG (GIAI ĐOẠN 2011 - 2015)

Lê Hoàng

**T**rong giai đoạn 2011-2015, hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) của tỉnh đã đạt được những bước tiến quan trọng với nhiều công trình nghiên cứu đem lại hiệu quả thiết thực. Đặc biệt, thực hiện Nghị quyết số 20 - NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, tỉnh đã tăng cường đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Nhờ đó, hoạt động KH&CN của tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực, đóng góp quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

## \* Kết quả thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển KH&CN

Từ năm 2011 - 2015: Đây là giai đoạn mà ngành KH&CN tỉnh Đắk Nông đạt được những bước tiến quan trọng với nhiều nghiên cứu đem lại kết quả ứng dụng hiệu quả, góp phần quan trọng phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã tập trung chủ yếu vào các định hướng phát triển

KH&CN đã đề ra trong Chiến lược phát triển KH&CN tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, Nghị quyết số 20 - NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI...

Tính trong giai đoạn này, có tổng số 71 nhiệm vụ KH&CN đã và đang được triển khai trên địa bàn tỉnh, gồm: 10 nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước (trong đó 01 đề tài độc lập, 08 dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi và 01 dự án thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ) và 61 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (trong đó 26 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn và 35 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ).

Để triển khai các đề tài, dự án theo đúng tiến độ và có hiệu quả, các Sở, ban ngành, huyện, thị xã và tổ chức, cá nhân đã tiến hành các bước lựa chọn và đề xuất các lĩnh vực nghiên cứu, đổi mới công nghệ theo hướng chung. Ngoài ra, việc triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm đều xuất phát từ nhu cầu thực tế, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, phong tục và tập quán sản xuất của tỉnh. Các nhiệm vụ được triển khai theo các định hướng cụ thể như: Chương trình điều tra cơ bản, sử dụng hợp lý nguồn tài

nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; Chương trình khoa học xã hội phục vụ quản lý và các lĩnh vực xã hội; Chương trình nghiên cứu lịch sử, văn hóa và con người Đắk Nông; Chương trình nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ phục vụ bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cộng đồng; Chương trình nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các công nghệ tiên tiến; Chương trình khoa học và công nghệ về phát triển công nghiệp - dịch vụ và hỗ trợ doanh nghiệp; Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ nông nghiệp và nông thôn; Chương trình nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế xã hội miền núi và vùng dân tộc ít người; Chương trình nghiên cứu phát triển tiềm lực KH&CN.

## \* Công tác chuyên giao, ứng dụng các tiến bộ KH&CN trên địa bàn tỉnh

Thông qua các hoạt động nghiên cứu, việc triển khai ứng dụng, chuyên giao kết quả nghiên cứu vào thực tiễn cũng được quan tâm trên các lĩnh vực nhằm phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương. Cụ thể:

- Trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: thông qua việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống chữ viết M'ông và biên soạn từ điển M'ông - Việt,



Việt - M' nông. Bộ từ điển được xây dựng với khoảng 25.000 từ, được cụ thể hóa, chuyển qua sử dụng bằng phần mềm, thuận lợi cho việc tra cứu, học tập và tìm hiểu ngôn ngữ, phong tục tập quán của người M' nông được tốt hơn. Sản phẩm của đề tài đã được chuyển giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo nhằm phục vụ cho giáo viên, học sinh trong quá trình dạy - học được thuận lợi hơn. Ngoài ra, một số công trình lớn như "Địa chí Đắk Nông", "Văn hóa M' nông và vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa M' nông ở tỉnh Đắk Nông", "Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đắk Nông 1930 - 2004" ... Các công trình này hiện đã được biên tập, in thành sách, chuyển giao cho những đơn vị liên quan nhằm phục vụ cho công tác tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, nhân dân tỉnh Đắk Nông.

*- Trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ:* Triển khai các đề tài nghiên cứu thuộc Chương trình Tây Nguyên 3; Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi; các nhiệm vụ khoa học hỗ trợ cấp cơ sở... Việc triển khai các nhiệm vụ KH&CN đã góp phần đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến vào đời sống sản xuất. Cùng với hoạt động đẩy mạnh nghiên cứu, công tác tuyên truyền về vai trò của KH&CN đến người dân cũng ngày càng được chú trọng. Nhờ đó, nông dân ngày càng ý thức rõ hơn việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản



*Hội nghị phổ biến văn bản quy phạm pháp luật KH&CN.*

*Ảnh: TL*

xuất. Qua đó, xuất hiện nhiều mô hình đem lại hiệu quả kinh tế, hình thành vùng sản xuất lớn, như: mô hình trồng Ôi, Thanh long ruột đỏ, mô hình áp dụng tưới phun sương cho Khoai lang Nhật bản ở huyện Đắk G'long, mô hình tưới tiết kiệm nước kết hợp bổ sung chất dinh dưỡng cho cây hồ tiêu và cây ăn quả trên địa bàn huyện Đắk Song, Krông Nô, thị xã Gia Nghĩa...; Đồng thời, xuất hiện nhiều cá nhân điển hình tiên tiến trong việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật đem lại năng suất cao. Trồng chăn nuôi, thủy sản, việc đưa vào các giống mới năng suất cao, chất lượng tốt ngày càng được quan tâm, như: nhân giống Bò đực Brahman nhằm cải tạo, thay thế đàn bò địa phương ở các huyện trong tỉnh...

*- Trong hoạt động đổi mới công nghệ:* Các doanh nghiệp, cá nhân trong tỉnh đã mạnh dạn đầu tư cải tiến công nghệ, thiết bị kỹ thuật tiên tiến trong chế biến, bảo quản nông sản góp phần nâng cao chất lượng của sản phẩm, như: Công ty TNHH Công nghiệp Thực phẩm Tất

Thắng, Công ty Sam San, Công ty trà Oxlam... Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng chú trọng việc xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật trong chế biến cà phê như: Mô hình trình diễn kỹ thuật trong chế biến cà phê hòa tan tại công ty TNHH MTV cà phê Đắk Tín; xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật chế biến cà phê nhân tại HTX An Tiếp; xây dựng và đăng ký thương hiệu đối với sản phẩm cà phê bột Công ty TNHH Hoàng Phát ...

Cùng với quá trình triển khai thực hiện dự án chế biến bột xít Nhân Cơ, Ban quản lý dự án đang tiến hành thi công hoàn thiện các hạng mục công trình để cuối năm 2015 đưa vào hoạt động. Hiện nay, đã khởi công thực hiện dự án nhà máy điện phân nhôm Đắk Nông tại khu công nghiệp Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp với công nghệ kỹ thuật tiên tiến. Đây được xem là mắt xích kết nối sản phẩm từ alumin để thành nhôm, với công suất 300.000 tấn nhôm/năm, định hướng tăng công suất lên 450.000 tấn/năm và



các ngành công nghiệp phụ trợ.

Đề phát huy những kết quả đã đạt được của các giai đoạn trước, KH&CN tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011 - 2015 tiếp tục giữ vai trò quan trọng, là nhân tố chủ yếu góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững. KH&CN đã tác động không nhỏ trong việc góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của sản phẩm làm ra. Đến nay, giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt đạt trên 60 triệu đồng/ha, mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt trên 70 triệu đồng/ha, năng suất cà phê nhân bình quân toàn tỉnh từ 1,93 tấn/ha năm 2011, đến nay đã tăng lên hơn 2,3 tấn/ha....

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, KH&CN tỉnh Đắk Nông thời gian qua còn tồn tại những hạn chế, như: Hoạt động nghiên cứu phát triển KH&CN chưa đáp ứng kịp thời thực tiễn đặt ra trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến khoa học - kỹ thuật, quản lý; công tác nghiên cứu còn dàn trải, manh mún, mang nặng tính hàn lâm, lý thuyết gây khó khăn trong việc ứng dụng vào thực tiễn sản xuất; công tác ứng dụng, chuyển giao những kết quả đã nghiên cứu vào thực tế để góp phần tăng tốc nền kinh tế, làm chuyển biến mạnh mẽ đời sống xã hội ở địa phương tuy được quan tâm, thực hiện nhưng chưa nhiều, chưa tạo được phong trào ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ kỹ thuật trong cán bộ, nhân dân; chưa

có sự quan tâm đúng mức để huy động, lôi kéo các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất vào công tác ứng dụng nên sản phẩm nghiên cứu chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường; thị trường KH&CN mới bước đầu được xác lập, các doanh nghiệp hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh chưa thành lập. Theo đó, hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, các tiến bộ kỹ thuật, tạo ra sản phẩm mới còn nhiều hạn chế.

Những tồn tại, hạn chế trên bắt nguồn từ những nguyên nhân, như: Đội ngũ cán bộ KH&CN của tỉnh ở hầu hết các ngành kinh tế, văn hoá, xã hội đều thiếu và chưa phát huy hết năng lực; cơ chế quản lý, tổ chức hoạt động KH&CN đã có nhiều đổi mới nhưng cơ chế, chính sách đầu tư và phát triển KH&CN chưa đủ mạnh và thu hút được các nhà khoa học đến Đắk Nông công tác cũng như nghiên cứu; chưa tạo điều kiện hỗ trợ phù hợp cho các doanh nghiệp quan tâm, dù điều kiện đầu tư ứng dụng và đổi mới công nghệ; đầu tư của tỉnh cho KH&CN còn thấp; kinh phí đầu tư cho KH&CN còn dàn trải, chưa có trọng điểm. Chưa tận dụng, phát huy được nguồn vốn từ bên ngoài để hình thành phong trào xã hội hóa đối với khoa học; một số thủ tục hành chính còn rườm rà, phức tạp; quỹ phát triển KH&CN địa phương chưa được thành lập nên còn nhiều hạn chế trong việc hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư chuyển giao những công nghệ hiện đại như

định hướng đã đề ra...

Do đó, đề hoạt động KH&CN phát huy có hiệu quả hơn trong những giai đoạn tiếp theo, tỉnh Đắk Nông cần có những định hướng rõ ràng và các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể. Điều này sẽ góp phần tăng cường tiềm lực, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc góp phần đưa hoạt động KH&CN của tỉnh lên một tầm cao mới tương xứng với những tiềm năng, thế mạnh vốn có của địa phương. Cụ thể là:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cơ quan, đơn vị, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân về vai trò, vị trí của KH&CN, đặc biệt là trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xu thế hội nhập quốc tế. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách trong lĩnh vực KH&CN.

- Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển KH&CN gồm: Cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức KH&CN; các trung tâm kiểm định, kiểm nghiệm, phòng thử nghiệm, khu công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp KH&CN; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ tại địa phương, nhất là đội ngũ lao động có tay nghề kỹ thuật cao, đội ngũ cán bộ đầu ngành có trình độ chuyên môn sâu ở những lĩnh vực tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Có chính sách hợp lý để thu hút nguồn cán bộ khoa học và công



nghe công hiến cho địa phương thời gian tới.

- Có chính sách đề khuyến khích, phát huy vai trò của doanh nghiệp trong việc ứng dụng KH&CN, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở địa phương như: hỗ trợ đổi mới công nghệ, cải tiến công nghệ... nhằm đưa KH&CN đến với người dân nhanh chóng và hiệu quả hơn.

- Đổi mới cơ chế quản lý, tài chính theo hướng tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, nâng cao trình độ công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, các tổ chức sự nghiệp KH&CN hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Chú trọng nghiên cứu thực nghiệm và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tế. Nghiên cứu chuyên giao một số công nghệ mới trong lĩnh vực công nghiệp nhằm nâng cao giá trị, khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa trên thị trường nhằm phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ phục vụ khai thác bô xít, công nghệ sau thu hoạch đối với một số nông sản chủ lực, được xem là thế mạnh của địa phương như: Hồ tiêu, cà phê, cao su...

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, coi phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là khâu then chốt, là giải pháp xuyên suốt, là bước đột phá trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh, tạo tiền đề quan trọng cho quá trình xây dựng nông thôn mới, công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn./.

## CÔNG TÁC THANH TRA VÀ KIỂM TRA

# CHUYÊN ĐỀ NĂM 2015 VỀ HÀNG ĐÓNG GÓI SẴN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

*Bài, ảnh: Phan Văn Hiến*

*Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

*Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông tại công văn số 908/BKHCN-TTr ngày 30/03/2015 và Công văn số 1614/UBND-TH ngày 16/4/2015 về việc đề nghị phối hợp chỉ đạo triển khai chuyên đề năm 2015 về hàng đóng gói sẵn.*

*Ngày 16/6/2015 Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 72 /QĐ-KHCN về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra chuyên đề năm 2015 về hàng đóng gói sẵn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ Đắk Nông đã chủ trì và phối hợp với Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Chi cục quản lý thị trường, Công an Tỉnh, Sở Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn và Sở Y tế tiến hành đợt thanh kiểm tra, đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, phân phối các mặt hàng đóng gói sẵn trên địa bàn tỉnh.*

Mục đích nhằm tạo bước chuyển biến về nhận thức và hành động của các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh hàng đóng gói sẵn trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, nhãn hàng hoá, mã số, mã vạch, và sở hữu công nghiệp; tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn cho người tiêu dùng hiểu rõ về các quy định của pháp luật về chuyên ngành nói chung và hàng đóng gói sẵn nói riêng nhằm bảo vệ

quyền lợi, lợi ích hợp pháp của nhân dân, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, bảo vệ tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh; phát hiện, phòng ngừa và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, nhãn hàng hoá, mã số mã vạch và sở hữu công nghiệp đối với hàng đóng gói sẵn.

Nội dung Thanh tra hàng đóng gói sẵn chủ yếu gồm: Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất



lượng đối với hàng đóng gói sẵn (HĐGS). Kiểm tra việc chấp hành Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa với các nội dung: Ghi nhãn hàng hóa;

mã số mã vạch và sở hữu công nghiệp đối với hàng đóng gói sẵn. Đối tượng thanh tra là các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng đóng gói sẵn trên

địa bàn tỉnh Đắk Nông chủ yếu là các mặt hàng:

Trong đợt kiểm tra từ ngày 22/6/2015 đến 31/7/2015 đoàn đã tiến hành kiểm tra

**Các mặt hàng trong đợt kiểm tra.**

1. Nông sản, sản phẩm từ nông sản	9. Sữa, sản phẩm từ sữa
2. Phân bón	10. Thủy sản, sản phẩm từ thủy sản
3. Thuốc bảo vệ thực vật	11. Bánh, mứt, kẹo, đường
4. Thức ăn chăn nuôi	12. Bia, rượu, nước giải khát, nước uống
5. Muối, mì chính, bột gia vị	13. Dầu nhờn
6. Dầu ăn	14. Khí đốt hoá lỏng
7. Nước chấm, nước mắm, nước sốt	15. Sơn
8. Xà phòng, chất tẩy rửa	16. Xi măng

được 56 cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng đóng gói sẵn trên địa bàn toàn tỉnh. Đoàn đã tiến hành lấy một số hàng đóng gói sẵn để kiểm tra định lượng như: Bánh kẹo, đường, bột canh, bột gia vị, xà phòng, nước tẩy rửa, cà phê, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, qua kiểm tra định lượng hàng hóa đều có định lượng đạt yêu cầu trong giới hạn cho phép so với định lượng ghi trên bao bì – đạt yêu cầu về đo lường theo quy định tại Quyết định số 02/2008/QĐ-BKH-CN ngày 25/02/2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định về việc kiểm tra đo lường đối với hàng đóng gói sẵn về định lượng; về nhãn hàng hóa: Hàng hóa do các cơ sở sản xuất kinh doanh, buôn bán đều có nhãn ghi theo đúng chủng loại hàng

hóa theo Điều 11, Điều 12 Nghị định 89/2006/NĐ-CP, ngày 30/08/2006 của Chính phủ về nhãn hàng hóa, các mặt hàng đều thể hiện mã số mã vạch trên bao bì sản phẩm.

Nhưng cũng qua đợt thanh tra này, đoàn đã phát

hiện được 13 cơ sở vi phạm gồm: Phân bón 7 cơ sở; khí dầu hoá lỏng 02 cơ sở; đậu phộng 01 cơ sở; sữa bột 01 cơ sở; sơn nước 01 cơ sở; xi măng 01 cơ sở, nhận thấy còn một số cơ sở sản xuất chưa nắm được hết các quy định về ghi nhãn hàng



*Kiểm tra về định lượng hàng đóng gói sẵn*



hóa, chưa trang bị các loại cân kỹ thuật phù hợp để định lượng các sản phẩm được chính xác. Các đơn vị kinh doanh hầu hết chưa được trang bị cân chuyên dùng để tự kiểm tra hàng hóa do các đơn vị sản xuất giao đến. và những đơn vị sản xuất kinh doanh còn những hành vi gian lận trên lĩnh vực đo lường đặc biệt là kinh doanh đậu phộng (lạc) sấy giòn sản phẩm công bố trọng lượng tịnh mỗi gói là 450gam, nhưng qua phương tiện đo lường của đoàn kiểm tra thì chỉ có khoảng 441,3gam, và kinh doanh mặt hàng sữa trong đó có sữa bột EnSure Gol sản phẩm công bố là 400gam nhưng qua kiểm tra chỉ được 396,4gam có giá trị trung bình nhỏ hơn giá trị trung bình cho phép sai số 3,616gam (0,904%) với hành vi gian lận này thì người tiêu dùng rất khó phát hiện vì trọng lượng quá nhỏ, và một tâm lý là ít có ai đi cân lại một gói đậu phộng hay một hộp sữa sau khi mua. Tuy nhiên, đối với nhà sản xuất thì “tích tiểu thành đại”, 1 gói bột đi 5 gam, 10 gói được 50gam. Như vậy, bán ra một thùng đậu phộng hay một thùng sữa nhà sản xuất đã gian lận, bớt đi 2 gói hay 2 hộp là chuyện đương nhiên. Tương tự như thế là những hành vi đối với các mặt hàng khí đốt hóa lỏng – gas có giá trị trung bình nhỏ hơn giá trị trung bình cho phép sai số 0,115kg (0,96%), gây thiệt hại cho người tiêu dùng,



*Hình ảnh về hàng đóng gói sẵn*

Đoàn đã tiến hành niêm phong lô hàng nói trên; hay phân bón đều có giá trị trung bình nhỏ hơn giá trị trung bình cho phép từ 0,8% đến 4,07%; vật liệu xây dựng kinh doanh mặt hàng sơn nước loại 1kg không rõ nguồn gốc xuất xứ có giá trị nhỏ hơn giá trị trung bình cho phép sai số 0,09kg (0,9%) gây thiệt hại cho người tiêu dùng; đồng thời ghi nhãn hàng hoá không đúng quy định. Đoàn đã tiến hành niêm phong lô hàng nói trên.

Nguồn gốc xuất xứ của hàng đóng gói sẵn vi phạm chủ yếu đóng ở thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Lâm Đồng. Lỗi ở đây có thể nói hoàn toàn thuộc về nhà sản xuất, vì những đại lý phân phối, chủ yếu là hương hoa hồng, ăn chênh lệnh giá, họ không can thiệp vào trọng lượng của sản phẩm vì tất cả đã được đóng gói sẵn. Chính

vì vậy cũng giống như người tiêu dùng, họ hy vọng vào sự chân chính của nhà sản xuất, để cùng nhau giữ chữ tín và bảo đảm quyền lợi chính đáng cho người tiêu dùng.

Cũng qua đợt thanh tra này cho thấy đa số các đơn vị kinh doanh hàng đóng gói sẵn đã nắm bắt được dấu hợp chuẩn, hợp quy, nhãn hàng hoá và đo lường từ đó thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và bên cạnh đó để hạn chế tính gian lận về đo lường thì phải đòi hỏi sự chân chính từ nhà sản xuất, sự nhận thức của giới kinh doanh kể cả chính người tiêu dùng, còn cơ quan quản lý nhà nước cần tăng cường công tác thanh, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, tạo sự cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp đồng thời bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng.



# SAU 05 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ X:

## VĂN HÓA - XÃ HỘI; KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CHUYỂN BIẾN MẠNH MẼ

Thành Nhân  
Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, trong giai đoạn 2010 – 2015, lĩnh vực văn hóa – xã hội, khoa học và công nghệ (KH&CN) của tỉnh được Đảng bộ, Chính quyền tỉnh quan tâm dành nguồn lực đầu tư và đem lại những kết quả quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống bản địa; tạo điều kiện hình thành nền sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và ngành khai thác chế biến khoáng sản, góp phần phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

*Một là, Quy mô giáo dục đào tạo tăng mạnh, mạng lưới cơ sở giáo dục được mở rộng ở các cấp, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, biên giới và vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Cơ cấu đào tạo, giáo dục nghề có bước phát triển.*

Có thêm nhiều điểm trường lẻ ở các vùng sâu, vùng xa, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến trường. Hệ thống trường, lớp ngày càng hoàn chỉnh, cơ sở vật chất trường, lớp được cải thiện đáng kể; từng bước thực hiện xóa phòng học tạm, phòng học mượn hoặc thiếu công trình vệ sinh, nước sạch. Trang thiết bị

các phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, thực hành cơ bản đáp ứng được việc dạy và học. Công tác xã hội hóa giáo dục bước đầu đạt một số kết quả, đã huy động được các nguồn lực xã hội để phát triển sự nghiệp giáo dục của tỉnh. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia được chú trọng, đến năm 2015, đã có 83/356 trường (23,31%) đạt chuẩn ở các cấp học.

Quản lý giáo dục có chuyển biến tích cực, việc đổi mới phương pháp dạy và học, ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường trở nên phổ biến và có hiệu quả hơn. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng đội ngũ quản lý giáo dục và giáo viên. Hoàn thành công tác phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi, duy trì kết quả và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi và Trung học cơ sở, phát triển trường chuyên và dạy nghề.

*Hai là, Hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân được nâng lên, cơ sở vật chất y tế được chú trọng đầu tư nâng cấp.*

Công tác khám chữa bệnh ngày càng được chú trọng, chất lượng điều trị và dịch vụ y tế

được cải thiện; từng bước triển khai và mở rộng các dịch vụ y tế kỹ thuật cao. Thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính trong khám chữa bệnh và bảo hiểm y tế; tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các đối tượng chính sách xã hội khám bệnh, cấp thuốc bằng bảo hiểm y tế. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế tính đến năm 2015 đạt 71,5%, thực hiện tích cực chủ trương mở rộng đối tượng bảo hiểm y tế theo lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Công tác phòng chống dịch bệnh được triển khai tích cực, kịp thời; dịch bệnh được kiểm soát, không có dịch lớn xảy ra. Công tác thanh tra, kiểm tra thuốc, cơ sở khám chữa bệnh tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm được chú trọng.

Mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở được đầu tư nâng cấp, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; đầu tư nâng cấp trang thiết bị bệnh viện Đa khoa tỉnh, đưa vào sử dụng 5 bệnh viện đa khoa tuyến huyện quy mô từ 50 đến 150 giường bệnh; kinh nghiệm, năng lực, trình độ của đội ngũ y, bác sỹ ngày càng được nâng cao; đã ban hành các chính sách trong thu hút, sử dụng, ưu đãi cán bộ trong ngành.



*Ba là, Các hoạt động văn hóa thông tin đã góp phần tích cực vào việc tuyên truyền giáo dục, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh quốc phòng.*

Thiết chế văn hóa ở các cấp được tăng cường; các hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, lịch sử đã được tích cực thực hiện; các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể tiếp tục được sưu tầm, bảo vệ. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ đã chú trọng nhiều hơn đến nội dung tư tưởng, chất lượng nghệ thuật. Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng; xây dựng đời sống văn hóa cơ sở được phát triển ở nhiều nơi, đa dạng, phong phú. Phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” được đẩy mạnh và phát triển rộng rãi. Giai đoạn 2010 – 2014, 75% gia đình; 60% thôn, buôn; 85% cơ quan, đơn vị và 16% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn văn hóa.

Các hoạt động văn học nghệ thuật đã có những đổi mới và phát triển phong phú, đa dạng có chất lượng, phản ánh sinh động về truyền thống đấu tranh cách mạng, lao động sáng tạo của nhân dân. Công tác xã hội hóa văn hóa, thể dục thể thao đạt kết quả bước đầu; góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa, đáp ứng tốt hơn nhu cầu tập luyện thể dục thể thao của nhân dân.

Hoạt động báo chí, phát thanh truyền hình tiếp tục phát triển; có nhiều cải cách và đổi mới trong tiếp cận, phân tích,

phản ánh kịp thời những vấn đề của xã hội; nội dung ngày càng phong phú, góp phần phục vụ tốt nhu cầu nâng cao nhận thức, trình độ dân trí, phát triển xã hội của nhân dân, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

*Bốn là, Các chính sách xã hội được chăm lo thực hiện chu đáo.*

Công tác giảm nghèo, các chính sách đền ơn đáp nghĩa, bảo trợ xã hội được điều chỉnh bổ sung kịp thời, phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương, đảm bảo an sinh xã hội. Thực hiện đồng bộ đề án giảm nghèo theo các hướng tập trung nguồn lực, xây dựng các giải pháp cụ thể, đầu tư có trọng điểm nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững; đặc biệt đối với địa bàn còn nhiều khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Giai đoạn 2010 – 2014, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân mỗi năm là 3,1% trên tổng số hộ nghèo toàn tỉnh. Công tác đào tạo nghề ngày càng được chú trọng về chất lượng, đồng thời gắn với giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo. Hệ thống các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh từng bước được đầu tư hoàn thiện; chất lượng đào tạo nghề được nâng cao.

Đời sống kinh tế, văn hóa, tinh thần vùng đồng bào dân tộc thiểu số được nâng cao; bộ mặt bon, buôn có nhiều thay đổi, tiến bộ. Các dân tộc ngày càng đoàn kết, giúp nhau vươn lên xóa đói, giảm nghèo, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội

và phát triển kinh tế. Công tác chăm sóc, bảo vệ quyền trẻ em được xã hội quan tâm; các hoạt động đấu tranh phòng chống bạo hành trẻ em, nâng cao chế độ dinh dưỡng, cải thiện thể chất...được tuyên truyền và tổ chức thực hiện rộng rãi trong toàn xã hội.

*Năm là, KH&CN có những bước phát triển mới, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.*

Vai trò của KH&CN ngày càng được khẳng định. Các tiến bộ kỹ thuật, sáng kiến được áp dụng ngày càng nhiều vào sản xuất, đời sống, nâng cao hiệu quả kinh tế. Đã chú trọng hơn việc nghiên cứu, bảo tồn và phát triển các giá trị văn hoá truyền thống. Tiềm lực KH&CN từng bước được tăng cường, củng cố; một số chính sách thu hút nguồn nhân lực trên lĩnh vực KH&CN của tỉnh được ban hành. Đội ngũ trí thức không ngừng tăng lên về số lượng và chất lượng.

KH&CN đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nền sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, bước đầu đem lại kết quả tích cực. KH&CN đã đi tiên phong trong việc nghiên cứu ứng dụng để sản xuất sắt từ bùn đỏ đã đạt tiêu chuẩn công nghệ mở ra tiềm năng lớn của ngành công nghiệp khai khoáng và chế biến có sự phát triển mang tính bước ngoặt, là cơ hội để phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ và công nghiệp sau nhôm trong những năm tới./.



## PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC

# HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NỀN NÔNG, CÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

Hồng Sơn

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Sau 10 năm thực hiện Chỉ thị số 50 -CT/TW, ngày 04/3/2005 của Ban Bí thư (khóa IX) “về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền trên địa bàn tỉnh đạt được những kết quả nhất định:



Trạm Ứng dụng và Phát triển công nghệ sinh học Đắk Nông: Chú trọng triển khai phương pháp nuôi cấy mô thực vật

Ảnh: CTV

Ngay sau khi có Chỉ thị số 50 -CT/TW, ngày 04/3/2005 của Ban Bí thư, ngày 21/3/2006 Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 07 - CTr/TU. Thực hiện Chương trình hành động số 07 -CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1287/QĐ -UBND, ngày 12/10/2006 (kèm theo Kế hoạch phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh Đắk Nông đến năm 2020). Trong đó, giao các Sở, ngành có liên quan xây dựng đề án thực hiện chương trình hành động theo lộ trình

đến năm 2020. Nhờ đó, trong những năm qua, công tác ứng dụng công nghệ sinh học, các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi... mang lại hiệu quả kinh tế cao, ngày càng được người dân quan tâm, đầu tư và bước đầu đem lại những hiệu quả tích cực.

Trong lĩnh vực trồng trọt, nhiều giống cây trồng mới đã nghiên cứu thử nghiệm và ứng dụng rộng rãi ở địa phương như: cây mắc ca ghép, ca cao lai F1 nhập từ Malaysia, xây dựng mô hình cà phê sản xuất theo tiêu chuẩn 4C, UTZ...

ngày càng được mở rộng nhằm cải tạo, thay thế diện tích cà phê kém hiệu quả; sản xuất hồ tiêu theo tiêu chuẩn VietGAP; giống sầu riêng, giống bơ, sử dụng các giống ngô lai LVN61, lúa lai HYT108, TH3-3, lúa thuần thơm RVT được người dân mạnh dạn đưa vào sản xuất ... Trong chăn nuôi việc đẩy nhanh kế hoạch cải tạo đàn gia súc, gia cầm, thủy sản; chăn nuôi heo, gà, vịt, thủy sản theo hướng ứng dụng công nghệ sinh học ngày càng nhiều, một số giống mới được đưa vào như Gà J-Dabaco ở huyện Đắk G'long, gà sao, vịt bầu cánh trắng, cá tầm, cá lăng ... đã hình thành nhiều trang trại chăn nuôi có quy mô như: Hợp tác xã Đồng Tiến, chăn nuôi bò lai Sind của người dân ở xã Đắk Wer, trại gà Công ty TNHH Phúc Thành, thị trấn Ea Tling, huyện Cư Jút ... Cùng với việc sử dụng các giống mới có triển vọng vào sản xuất, quá trình sử dụng các chế phẩm sinh học trong canh tác ngô, lúa lai bền vững và các cây trồng khác, góp phần tăng năng suất, chất lượng cây trồng cũng được người dân quan tâm hưởng ứng như: Chế phẩm điều hòa sinh trưởng như



Ethrel, V3, B9 làm tăng tỷ lệ ra hoa, đậu quả và tăng năng suất trên cây vải; sử dụng chế phẩm Oligoglucosamin trên cây trồng ngắn ngày; chế phẩm GA3 tăng tỷ lệ đậu quả trên cây điều...

Trong công nghiệp chế biến: đã sử dụng các chủng vi sinh vật (Trichoderma, GEM-P1, GEM-K) nhằm phân giải xenlulô, cố định đạm... trong công nghệ sản xuất các chế phẩm sinh học, phân hữu cơ vi sinh từ phế thải nông - lâm nghiệp, phục vụ sản xuất nông - lâm nghiệp bền vững. Sử dụng các enzym trong sản xuất chế biến tiêu đỏ, tiêu đen, tiêu sọ. Sử dụng hóa chất XM5 xử lý gỗ keo lai và keo lá tràm để làm trụ tiêu ... hình thành một số cơ sở chế biến nông sản như: Cơ sở chế biến cà phê Hải Nhung, Tiến Thanh, thị xã Gia Nghĩa...

Trong công tác bảo vệ môi trường đã sử dụng các chế phẩm xử lý chất thải sản xuất công nghiệp, chất thải chăn nuôi và chất thải sinh hoạt ngày càng phổ biến. Sử dụng các chế phẩm sinh học trong nông nghiệp như rơm rạ, thân ngô làm thức ăn cho trâu bò... hướng tới canh tác bền vững, tiết kiệm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường...

Công tác đào tạo, quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực công nghệ sinh học tại Đắk Nông được các cấp lãnh đạo quan tâm. Thông qua các chiến lược, quy hoạch nguồn nhân lực, chủ trương, chính sách thu hút, đãi ngộ nhân tài, đào tạo,

bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đội ngũ cán bộ trong tỉnh ngày càng tăng về số lượng lẫn chất lượng. Đây là nội dung rất quan trọng trong vấn đề phát triển tiềm lực công nghệ sinh học của tỉnh, đáp ứng việc tiếp nhận, chuyển giao công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống của địa phương. Thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) được triển khai, đã đào tạo đội ngũ kỹ thuật viên phục vụ công tác tiếp nhận và chuyển giao công nghệ sinh học, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý và tổ chức triển khai dự án cho nhiều cán bộ quản lý KH&CN địa phương, là những người trực tiếp quản lý và tiếp nhận công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả và đảm bảo tính bền vững cũng như khả năng nhân rộng kết quả sau này.

Việc phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, trước hết là do nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và người dân về vai trò, đóng góp của công nghệ sinh học đối với cuộc sống ngày càng được nâng cao. Công tác phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học được triển khai toàn diện trên các lĩnh vực và áp dụng rộng rãi vào sản xuất, đời sống. Các giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao được đưa vào thực tiễn, góp phần vào chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp và phát huy được tiềm năng, thế mạnh của địa

phương. Trong công tác bảo vệ và xử lý ô nhiễm môi trường; công tác khám, chữa bệnh cho người dân địa phương, công tác tăng cường tiềm lực KH&CN ngày càng được chú trọng, đáp ứng xu hướng trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, công tác phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học ở một số địa phương còn gặp một số tồn tại, hạn chế nhất định, như: Việc cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho phù hợp với điều kiện của tỉnh về ứng dụng, phát triển công nghệ sinh học còn chậm so với tình hình thực tế của địa phương. Nhiều cấp ủy, chính quyền địa phương chưa ban hành văn bản chỉ đạo, lãnh đạo để cụ thể việc triển khai thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư. Việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong công nghệ sinh học chưa trở thành phong trào rộng khắp; chưa có sự lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác. Chủ yếu tập trung đầu tư phát triển, ứng dụng ở lĩnh vực nông - lâm nghiệp; các lĩnh vực khác như y dược, công nghệ chế biến... chưa được ứng dụng mạnh mẽ. Công tác ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ sinh học chủ yếu mang tính tự phát, chưa tập trung, quy mô nhỏ lẻ, chủ yếu được thực hiện ở các hộ gia đình. Các thành tựu mới của công nghệ sinh học chưa được khai thác và ứng dụng kịp thời nhằm mang lại hiệu quả cao trong sản xuất và đời sống. Cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ

(Xem tiếp trang 38)



## THỰC HÀNH NÔNG NGHIỆP TỐT:

# THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HÀNH NÔNG NGHIỆP TỐT TẠI ĐẮK NÔNG

*Dinh Văn Thuận*

*Phó GD Trung tâm TT&UDKHCN*

**T**rong lịch sử phát triển kinh tế - xã hội của các nước trên thế giới, nông nghiệp luôn được xem là một hoạt động sản xuất cơ bản của con người. Nông nghiệp với chức năng sản xuất ra nhiều sản phẩm thiết yếu của con người, giữ vai trò đảm bảo ổn định kinh tế, ổn định xã hội trong quá trình phát triển. Cùng với sự phát triển của xã hội, dân số thế giới ngày càng tăng, đồng nghĩa với việc sử dụng sản phẩm từ nông nghiệp ngày càng nhiều. Vì vậy, nông nghiệp phải phát triển để đáp ứng nhu cầu đó. Nhiều thành tựu của khoa học và công nghệ (KH&CN) đã được áp dụng vào sản xuất nông nghiệp để tăng năng suất và sản lượng cây trồng, vật nuôi. Số lượng máy móc, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng trong nông nghiệp ngày càng nhiều. Cùng với việc cơ giới hóa, hóa học hóa, năng suất cây trồng, vật nuôi tăng lên đáng kể. Nhu cầu của con người đối với các sản phẩm nông nghiệp về khối lượng được đáp ứng. Tuy nhiên, do dùng nhiều phân bón, thuốc bảo vệ thực vật nên sau khi thu hoạch, sản phẩm nông nghiệp còn có thể gây ra những tác động xấu cho sức khỏe người sử dụng. Như vậy, sản phẩm nông nghiệp với lượng tồn dư các chất hóa học là những sản phẩm

không còn sạch đối với người sử dụng và có khả năng gây hại cho cơ thể con người. Để tránh những tác hại trước mắt và lâu dài do các sản phẩm có nhiều tồn dư các chất hóa học gây ra, người ta đề ra hướng mới để tiến hành sản xuất nông nghiệp tốt (nông nghiệp sạch).

### **Khái niệm thực hành nông nghiệp tốt**

Thực hành nông nghiệp tốt (**dịch từ tiếng Anh: Good Agricultural Practices, viết tắt GAP**) là quy trình, công nghệ sản xuất tiên tiến của sản xuất nông nghiệp. Trong đó, sản xuất phải theo quy trình kỹ thuật để đạt năng suất cao, chất lượng tốt và bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, sản xuất trong môi trường không ô nhiễm. Năm 1997, một tổ chức bán lẻ ở Châu Âu có tên là Euro-Retailer Produce Working Group, đưa ra khái niệm sản xuất nông nghiệp tốt nên gọi là EurepGAP và sau đó trở thành GlobalGAP áp dụng chung cho toàn cầu.

Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt là những nguyên tắc, trình tự, thủ tục hướng dẫn tổ chức, cá nhân sản xuất áp dụng trong chăn nuôi, trồng trọt nhằm đảm bảo cho vật nuôi, cây trồng được nuôi dưỡng, chăm sóc đạt các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người

sản xuất và người tiêu dùng, đồng thời bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm.

Căn cứ vào GlobalGAP, ngày 28/01/2008, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã Ban hành VietGAP, đây là tiêu chuẩn GAP trong sản xuất nông nghiệp của Việt Nam. Hiện nay, VietGAP là tiêu chuẩn cao nhất trong sản xuất nông nghiệp ở giai đoạn sản xuất ban đầu của chuỗi kiểm soát an toàn thực phẩm. Đây là các quy phạm thực hành chuẩn nhằm kiểm soát một cách có hệ thống các mối nguy. Bao gồm các quy định về quản lý giống, nguồn nước, sử dụng thuốc, phân bón, hóa chất, thức ăn, nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm; các quy định về địa điểm, vùng sản xuất, thiết kế bố trí các khu vực sản xuất, quản lý việc di chuyển, tiêu độc khử trùng, vệ sinh môi trường, kiểm soát động vật gây hại để đảm bảo an toàn sinh học trong nuôi trồng và các quy định về quản lý chất thải nhằm bảo vệ môi trường sinh thái. Hiện nay, nước ta đã có VietGAP cho từng đối tượng sản phẩm như: Sản phẩm trồng trọt (VietGAP rau quả, chè, lúa); Sản phẩm chăn nuôi (VietGAP chăn nuôi lợn, gia cầm, bò sữa, ong); Sản phẩm thủy sản (VietGAP nuôi trồng thủy sản đối với cá tra, tôm sú và tôm thẻ chân trắng...).

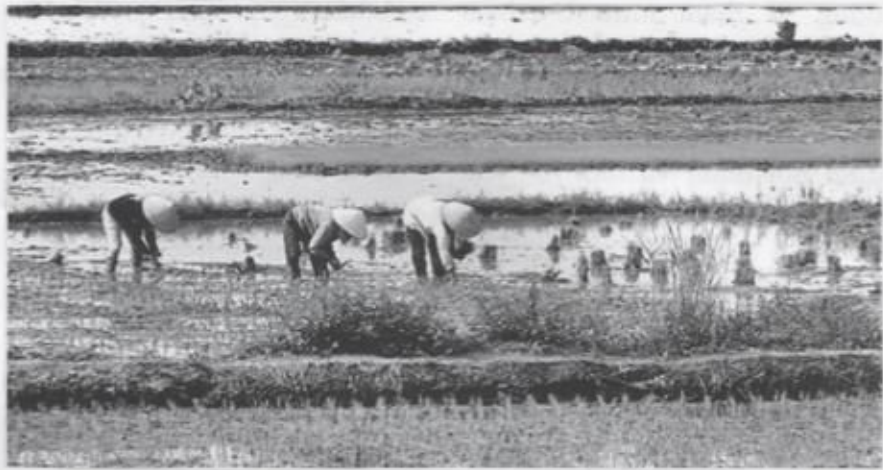


## Lợi ích của việc áp dụng GAP

GAP là yêu cầu của xã hội để cung cấp được sản phẩm nông sản đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng. Là một trong những giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm góp phần tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và rộng hơn nữa là nhu cầu của thị trường thế giới, là chìa khóa để hội nhập xuất khẩu. Việc áp dụng GAP sẽ đem lại những lợi ích cụ thể như sau:

**Đối với xã hội:** Đây chính là bằng chứng để khẳng định tên tuổi của các sản phẩm nông nghiệp của mỗi quốc gia, tăng kim ngạch xuất khẩu do vượt qua được các rào cản kỹ thuật, không vi phạm các quy định, yêu cầu của các nước nhập khẩu. Áp dụng GAP làm thay đổi tập quán sản xuất trong nông nghiệp, xã hội giảm bớt được chi phí y tế, người dân được sử dụng sản phẩm an toàn vệ sinh thực phẩm nghĩa là đã nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng và đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội.

**Đối với nhà sản xuất:** Giúp nhà sản xuất phản ứng kịp thời hơn với các vấn đề trong sản xuất liên quan đến an toàn, vệ sinh thực phẩm thông qua việc kiểm soát sản xuất trong các khâu làm đất, chăn nuôi cho đến khi thu hoạch, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, ổn định. Những cơ sở sản xuất áp dụng quy trình và được cấp chứng nhận GAP sẽ mang lại lòng tin cho nhà phân phối, người tiêu dùng và cơ quan quản lý. Chứng nhận GAP giúp



Triển khai cánh đồng “3 giảm, 3 tăng” ở thị trấn Ea T’ling (Chư Jút) là giải pháp mới giúp tăng lợi nhuận cho nông dân.

Ảnh: TL

người sản xuất xây dựng thương hiệu sản phẩm và tạo thị trường tiêu thụ ổn định

**Đối với doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu:** Do nguồn nguyên liệu đảm bảo chất lượng nên sẽ bảo đảm chất lượng đầu ra của sản phẩm, vì thế giữ được uy tín với khách hàng và nâng cao doanh thu. Nguồn nguyên liệu đầu vào đã được bảo đảm, các doanh nghiệp có thể giảm bớt chi phí và thời gian cho việc kiểm tra mẫu sản phẩm đầu vào. Giảm nguy cơ sản phẩm bị cấm nhập khẩu hoặc bị kiểm tra 100% khi nhập do không đảm bảo yêu cầu về dư lượng hóa chất.

**Đối với người tiêu dùng:** Người tiêu dùng sẽ được sử dụng những sản phẩm có chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, đó cũng là mục tiêu chính và lợi ích lớn nhất mà GAP mang lại. Với việc đề ra các quy cơ và quy định thực hiện, GAP sẽ tạo nên quyền được đòi hỏi của người tiêu dùng, từ đó góp phần tạo lên một thể hệ những người tiêu dùng dễ dàng nhận biết được sản phẩm bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trên thị

trường khi thấy có chứng nhận hoặc dấu chứng nhận sản phẩm GAP, đây cũng là động lực chính thúc đẩy người dân và các nhà sản xuất phải cải tiến để sản xuất và cung ứng các sản phẩm tốt từ nông nghiệp cho xã hội.

### Thực trạng áp dụng GAP tại Đắk Nông

Là một tỉnh nằm ở phía Tây Nam vùng Tây Nguyên, có diện tích tự nhiên 6.513 km<sup>2</sup>; trong đó đất sản xuất nông nghiệp là 318.443,97 ha. Đắk Nông có điều kiện tự nhiên thời tiết, khí hậu, đất đai... phù hợp với sản xuất nông nghiệp nói chung, phát triển trồng trọt các loại cây màu và cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như: Cà phê, tiêu, cao su, điều, cây ăn quả các loại. Ngoài ra, Đắk Nông còn có điều kiện thuận lợi giao lưu với các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và Duyên hải miền Trung, để mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp có ưu thế cạnh tranh cao.

Nhằm đẩy mạnh việc áp dụng quy trình GAP trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh, ngành nông nghiệp đã xây



dựng và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 26/01/2015, về việc Quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí xây dựng các mô hình áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2015 - 2020. Đồng thời, để từng bước nâng cao chất lượng nông, lâm, thủy sản đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng, sức khỏe cho người sản xuất và đảm bảo môi trường sinh thái, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc (Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm và Thủy sản, Chi cục Bảo vệ thực vật, Chi cục Thú y) xây dựng kế hoạch vận động và hỗ trợ các chủ hộ, chủ trang trại và tổ chức doanh nghiệp đóng chân trên địa bàn tỉnh áp dụng đăng ký sản xuất nông nghiệp theo GAP, VietGAP và GlobalGAP đây là cú hích mạnh mẽ tạo động lực lớn cho sản xuất nông nghiệp của tỉnh theo hướng sản xuất an toàn và bền vững.

Trong những năm qua, ngành nông nghiệp tỉnh đã lựa chọn một số cơ sở sản xuất nông sản có lợi thế cạnh tranh cao để đầu tư phát triển theo hướng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt. Tính đến tháng 6 năm 2015 toàn tỉnh Đắk Nông có 8 cơ sở sản xuất nông sản được cấp giấy chứng nhận VietGAP, với tổng diện tích được chứng nhận là 115,9 ha. Trong đó, diện tích rau được chứng nhận VietGAP là 4 ha, được liệu là 4,4 ha, cây ăn

quả (sầu riêng, cam, quýt, bưởi, măng cụt) là 67 ha, lúa là 40,5 ha. Diện tích cả phê được hỗ trợ chứng nhận theo quy trình 4C, UTZ là 29.071 ha.

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận 15 cơ sở sản xuất nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh có nhu cầu hỗ trợ áp dụng GAP vào trong sản xuất và có đủ điều kiện để được hỗ trợ theo nội dung Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, trong đó có 02 cơ sở sản xuất rau xanh các loại, 01 cơ sở sản xuất chanh dây, 02 cơ sở sản xuất hồ tiêu và 10 cơ sở chăn nuôi (lợn, gà, cá lồng). Nhu cầu xây dựng mô hình sản xuất áp dụng GAP của người sản xuất tăng so với các năm trước, điều này cho thấy trong thời gian qua GAP đã phát huy được những ưu thế của mình, góp phần không nhỏ từng bước tạo ra thói quen, ý thức được tầm quan trọng của việc việc sản xuất ra sản phẩm sạch, an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng, hướng tới một nền nông nghiệp bền vững.

Tuy nhiên, trên thực tế cũng cho thấy hiện nay, chủng loại sản phẩm và diện tích được chứng nhận GAP trên địa bàn tỉnh Đắk Nông còn quá ít, do chi phí chứng nhận cao, chính sách hỗ trợ của nhà nước còn hạn chế, bình quân mỗi năm địa phương chỉ hỗ trợ được 2 - 3 cơ sở thực hiện chứng nhận. Trong khi đó nguồn ngân sách Trung ương phân bổ về địa phương hàng năm để hỗ trợ người dân thực hiện GAP còn nhiều hạn

chế, không đủ để đáp ứng hết nhu cầu ngày càng tăng của người dân. Trong khi đó, sản xuất theo quy trình GAP đòi hỏi yêu cầu khắt khe, đảm bảo truy xuất nguồn gốc, ghi chép nhật ký đồng ruộng từ khi xuống giống, chăm sóc, thu hoạch... nên người sản xuất phải đầu tư công sức và chi phí cao hơn so với các sản phẩm thường. Đây là một vấn đề khó có thể thực hiện trong ngày một, ngày hai, bởi từ trước tới nay, người nông dân không có thói quen này. Từ đó, làm cho mô hình này chưa thu hút được sự tham gia của người sản xuất. Đồng thời, đầu ra của sản phẩm sản xuất theo tiêu chuẩn GAP chưa ổn định. Bên cạnh đó, giá thành của sản phẩm chứng nhận GAP cũng cao hơn so với sản phẩm sản xuất thông thường nên chưa thu hút được sự quan tâm của người sản xuất cũng người tiêu dùng. Một điểm đáng lưu ý khác, mặc dù mô hình sản xuất GAP được thực hiện từ nhiều năm nay, nhưng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vẫn chưa đưa ra được nhãn sản phẩm chung đối với các sản phẩm đạt tiêu chuẩn GAP. Trong khi ở Đắk Nông các hộ sản xuất, tổ hợp tác nhỏ lẻ không đủ khả năng làm bao bì sản phẩm, nên không có sự khác biệt rõ ràng giữa sản phẩm đạt tiêu chuẩn GAP và các sản phẩm thông thường dẫn đến khi xuất hiện trên thị trường các sản phẩm này thường bị đánh đồng cùng một giá cũng là một trong những nguyên nhân không khuyến khích nông dân áp dụng GAP vào sản xuất, khó mở rộng diện tích sản xuất theo GAP trên địa bàn tỉnh.



## Một số giải pháp áp dụng GAP tại Đắk Nông

Để người dân an tâm sản xuất, phát triển các mô hình GAP, cần phải giải quyết triệt để các vấn đề còn bất cập hiện nay. Mục tiêu của việc thực hiện GAP không phải chỉ để được cấp giấy chứng nhận, mà quan trọng là người dân phải tự thay đổi thói quen canh tác của mình để hướng đến một nền nông nghiệp an toàn, bền vững cả về kinh tế và môi trường. Chính vì vậy, trong thời gian tới cần làm tốt một số vấn đề sau:

Một là, để sản xuất theo hướng GAP trước hết mỗi địa phương vẫn cần phải có quy hoạch thành các khu vực sản xuất, vận động để có sự liên kết của người dân trong vùng tham gia sản xuất tạo ra vùng sản xuất lớn, mang tính hàng hóa; bên cạnh đó chính quyền địa phương phải là cầu nối, thu hút các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm và những cam kết pháp lý bảo đảm.

Hai là, các cơ quan chức năng cần tăng cường công tác tuyên truyền áp dụng, mở rộng quy mô sản xuất theo tiêu chuẩn GAP nhằm thay đổi nhận thức của người sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng.

Ba là, trên cơ sở các chính sách hỗ trợ của Nhà nước và nhu cầu thực tế tại địa phương, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người nông dân đầu tư sản xuất; theo quy định của GAP.

Bốn là, các cơ quan quản lý thị trường thường xuyên kiểm tra, kiểm soát thị trường đảm bảo các sản phẩm nông sản, rau, củ, quả trên thị trường phải có giấy phép chứng minh

nguồn gốc, xuất xứ nhằm bảo vệ lợi ích người sản xuất chân chính, tạo niềm tin cho người tiêu dùng.

Năm là, đi đôi với việc hỗ trợ nông dân sản xuất thì việc tổ chức tiêu thụ sản phẩm an toàn do nông dân làm ra đang là khâu hạn chế nhất hiện nay. Do đó, để thúc đẩy sản xuất GAP thì cần thiết phải có đầu ra ổn định với các nhà phân phối hiện đại, tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm, xây dựng thương hiệu, gắn nhãn hiệu hàng hóa sản xuất theo GAP lên rau quả khi bán trên thị trường để người tiêu dùng có thể phân biệt được sản phẩm sản xuất theo GAP, sắp xếp lại mạng lưới phân phối để sản phẩm nông dân làm ra vào được hệ thống siêu thị, các chợ đầu mối dễ dàng... Trước mắt cần quy định bắt buộc một số khu vực (siêu thị, nhà hàng, khách sạn, bếp ăn tập thể, cửa hàng bán lẻ; tổ chức, cá nhân chế biến, xuất khẩu...) phải tiêu thụ sản phẩm an toàn, có địa chỉ, có nguồn gốc; tiến tới bắt buộc với tất cả các đối tượng khác buôn bán, kinh doanh trên thị trường; tạo được sự tin tưởng của người tiêu dùng, tăng sức mua, thúc đẩy sản xuất phát triển ổn định.

Sáu là, phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững nhất thiết có sự liên kết chặt chẽ của nhiều đơn vị, trong đó quan trọng nhất vẫn là nông dân và doanh nghiệp. Doanh nghiệp thực hiện bao tiêu sản phẩm của nông dân để chế biến và tiêu thụ; nông dân sản xuất theo tiêu chuẩn đạt hàng của doanh nghiệp. Như vậy, sản phẩm không sợ dư thừa

như hiện nay. Tuy nhiên, người nông dân cần kiên trì, nhất quán thực hiện GAP, sản xuất phải theo hình thức liên kết, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại tạo ra cánh đồng lớn của không phải theo kiểu sản xuất nhỏ lẻ, để có sản phẩm với sản lượng đủ lớn, đa dạng về chủng loại, chủ động tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, hướng đến thị trường xuất khẩu.

Bảy là, tổ chức các cuộc sơ kết, tổng kết để phát hiện, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả. Tăng cường công tác thanh, kiểm tra nếu rõ tên sản phẩm, tên cơ sở, địa chỉ sản xuất kinh doanh sản phẩm an toàn, có nguồn gốc. Đồng thời, công khai các sản phẩm, cơ sở đưa ra thị trường những sản phẩm không đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng được biết, có như vậy mới mang lại hiệu quả kinh tế cho người sản xuất nông nghiệp.

Với lợi thế về điều kiện tự nhiên, cùng với cơ chế, chính sách của Trung ương và tỉnh khuyến khích, hỗ trợ áp dụng GAP trong nông lâm nghiệp và thủy sản. Hy vọng rằng trong những năm tới với sự hưởng ứng tích cực của nông dân và sự quan tâm giúp đỡ của các cấp, các ngành từ tỉnh đến huyện ngày càng nhân rộng được diện tích, số lượng của các mô hình áp dụng quy trình GAP từ đó làm tăng hiệu quả kinh tế cũng như nâng cao giá trị sản phẩm nông sản góp phần tăng thu nhập cho người nông dân, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương một cách bền vững và hiệu quả./



# ÁP DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT - NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG HÓA NGÀNH NÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐẮK G'LONG

*Trương Công Định*

Huyện Đăk G'long có tổng diện tích đất tự nhiên là 144.875,46 ha; trong đó, diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 39.152,26 ha chiếm 27,03%, diện tích đất trồng rừng là 84.728,04 ha chiếm 58,5% và diện tích các loại đất khác chiếm 14,47%. Với cơ cấu kinh tế của huyện chủ yếu là nông - lâm nghiệp; lao động trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm trên 85%; hầu hết chưa qua đào tạo, sản xuất còn phụ thuộc vào thiên nhiên, do hạn chế về trình độ khoa học kỹ thuật, việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa được phổ biến, năng lực bảo quản chế biến nông sản còn nhiều hạn chế; đây là những yếu tố chính làm giảm chất lượng hàng nông sản dẫn đến giá trị hàng hóa thấp, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Mặt khác, kết cấu hạ tầng phục vụ cho sản xuất, lưu thông hàng hóa còn nhiều bất cập, nhiều khu vực dân cư, khu sản xuất bị ách tắc trong mùa mưa, làm cho vật tư nông nghiệp đầu vào tăng cao, đầu ra hàng hóa bị ép giá.

Trong những năm qua, thực hiện Chương trình chuyển giao khoa học kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất nông nghiệp; được sự hỗ trợ của Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tỉnh,

trên địa bàn huyện Đăk G'long đã triển khai các nhiệm vụ khoa học; đã tạo điều kiện cho người dân tiếp cận được những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, các sản phẩm công nghệ sinh học, sử dụng các giống mới, giống lai có ưu thế vượt trội, tăng cường công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện của địa phương, đầu tư thâm canh bền vững và thân thiện với môi trường.

Cụ thể, trên địa bàn huyện đã triển khai các nhiệm vụ khoa học như: Mô hình đầu tư, thâm canh và ghép cải tạo vườn cà phê già cỗi có năng suất thấp (năm 2008 - 2009); mô hình trồng cây chanh dây (năm 2009 - 2010); mô hình sản xuất phân hữu cơ sinh học từ vỏ cà phê bằng chế phẩm sinh học (năm 2010) và mô hình trồng dâu nuôi tằm (năm 2011- 2014).

Qua kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN đã mang lại hiệu quả rõ nét trong sản xuất, tăng năng suất cây trồng, chất lượng nông sản được nâng cao, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn, tăng nguồn thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống của người dân.

*\* Việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trên địa bàn huyện*

Từ khi có Nghị quyết số 04/NQ-TU, ngày 07/4/2011 của Tỉnh ủy "Về phát triển nông nghiệp công nghệ cao giai đoạn 2010 - 2015, định hướng đến năm 2020", việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi được triển khai rộng rãi ở các xã; việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, các quy trình sản xuất nông nghiệp sạch đạt tiêu chuẩn: cà phê 4C, VietGAP, GlobalGAP trên cây ăn quả; dùng các giống mới như: lúa lai, ngô lai, cà phê vối lai đa dòng, gà ri thả vườn, heo hướng nạc; chuyển đổi mùa vụ phù hợp với biến đổi khí hậu, biện pháp canh tác bền vững trên đất dốc, đầu tư thâm canh theo chiều sâu, luân canh, xen canh các loại cây trồng, nguồn nước... được đẩy mạnh làm cho ngành nông nghiệp của huyện từng bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với thị trường; trình độ sản xuất nông nghiệp được nâng lên; nhiều biện pháp khoa học kỹ thuật được áp dụng, việc chăm sóc cây trồng theo quy trình IPM, ICM được áp dụng rộng rãi trên cây lúa, cà phê và các loại cây ngắn ngày. Sử dụng các loại phân vi sinh được sản xuất từ phế thải nông nghiệp để thay thế một phần cho các loại phân hóa học làm tăng năng suất cây trồng, tăng độ



phì trong đất và thân thiện với môi trường từ đó năng suất, chất lượng cây trồng vật nuôi được tăng lên đáng kể.

**\* Về công tác bảo quản sau thu hoạch các loại nông, lâm, thủy sản**

Trước đây người dân thường sử dụng các loại thuốc, chất cấm để bảo quản các loại nông, lâm, thủy sản; nhưng hiện nay, việc sử dụng các phương pháp bảo quản sạch đã được áp dụng như: bảo quản lạnh đối với trái cây (ổi, cam, quýt), sản phẩm chăn nuôi; phương pháp bảo quản kín điều hòa khí quyển đối với lương thực và nông sản từ các loại cây công nghiệp, hay sử dụng các chế phẩm sinh học để bảo quản...

**\* Về các mô hình ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao (CNC)**

Trong thời gian qua, từ nhiều nguồn vốn khác nhau, huyện Đắk G'long đã triển khai thực hiện có hiệu quả nhiều mô hình nông - lâm nghiệp ứng dụng CNC, đặc biệt là các mô hình thuộc nhóm cây lương thực, cây ăn quả, chăn nuôi được người dân đón nhận và nhân rộng trên địa bàn.

Trong đó, nhóm cây lương thực đã triển khai thực hiện 60 mô hình, bao gồm: Thâm canh lúa lai Hương ưu 3068 (20 mô hình, với 10 ha), thâm canh lúa lai Dương Quang 10 (10 mô hình, với 05 ha), thâm canh ngô lai NK67 (30 mô hình với 20 ha).

Mô hình trồng dâu, nuôi tằm sử dụng giống dâu



Mô hình trồng dâu tại huyện Đắk G'long.

Ảnh: TL

mới S7-CB, VA-201 (02 mô hình, với 02 ha), đặc biệt sử dụng né nuôi tằm cải tiến nâng cao được giá trị kén tằm thành phẩm lên 20% so với giá thị trường thông thường và 02 mô hình hoa Ly ly (200m<sup>2</sup>).

Đối với nhóm cây ăn quả: chuối Laba từ nuôi cấy mô, cam Cara, ổi Đài Loan, mít nghệ với diện tích 30 ha; mô hình bơ trái vụ trên 20 ha; thanh long ruột đỏ 8,6 ha; trồng cây mắc ca 25 ha; trồng cây khoai lang Nhật Bản 225 ha.

Qua theo dõi, cây chè phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện. Hiện diện tích trồng chè trên địa bàn là 28 ha, trong đó huyện hỗ trợ làm mô hình 03 ha và bước đầu đã có thu nhập với sản phẩm là chè búp tươi.

Ngành chăn nuôi cũng đã triển khai thực hiện được

86 mô hình: Nuôi cá nước ngọt (10 mô hình); nuôi gà thả vườn, ngan Pháp (29 mô hình); nuôi gà J-Dabaco (47 mô hình). Triển khai dự án cải tạo đàn bò, đến nay có 195 con bò địa phương được phối giống và sinh được 107 con bê lai có chất lượng. Trên địa bàn huyện xuất hiện nhiều mô hình nuôi cá nước ngọt có hiệu quả cao...

Ngoài ra, còn triển khai nhiều mô hình nông - lâm nghiệp khác như: Nuôi heo hướng nạc, đặc biệt là nuôi heo gia công với quy mô lớn tại xã Đắk Som có hiệu quả kinh tế cao hoặc nuôi dúi; trồng rau trong nhà kính; ghép cải tạo vườn cà phê; sản xuất phân hữu cơ sinh học từ chế phẩm nông nghiệp cũng đã và đang triển khai thành công trên địa bàn huyện.

**\* Về chương trình phát triển cà phê bền vững**



Trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp của huyện Đắk G'long xác định cây cà phê là cây chủ lực. Hiện nay, huyện có trên 8.400 ha cây cà phê, trong đó diện tích kinh doanh trên 6.000 ha, tổng sản lượng cà phê trên 12.000 tấn cà phê nhân/năm. Việc chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất cà phê đối với người dân là rất cần thiết; thực hiện mô hình ghép cải tạo vườn cà phê, đi đôi với chương trình tái canh cà phê đã góp phần cải tạo và trẻ hóa vườn cà phê, áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến như VietGAP, sản xuất cà phê theo quy trình 4C, thâm canh bền vững và thân thiện với môi trường; kết quả chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đã tạo được diện tích cà phê ổn định, năng suất cây trồng ngày càng được tăng cao, chất lượng nông sản được đảm bảo.

Năm 2012, 2013 huyện đã phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện chương trình tái canh được 159,7 ha và đang triển khai chương trình tái canh năm 2014 với diện tích 110 ha. Mặt khác, nhằm nâng cao chất lượng của sản phẩm đầu ra, từ năm 2011 đến nay, đã có trên 250 hộ dân trên địa bàn tham gia thực hiện chương trình sản xuất cà phê đạt tiêu chuẩn chất lượng 4C của các công ty Amajaro, Nest'le... với diện tích trên 750 ha và cải tạo (ghép) trên 200 ha cà phê khác.

*\* Một số giải pháp áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao năng*

### ***suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa cho ngành nông nghiệp huyện***

Chủ động nghiên cứu các giải pháp KH&CN để giải quyết các vấn đề tồn tại trong sản xuất nông nghiệp như lựa chọn giải pháp khoa học khắc phục điểm yếu cũng như định hướng phát triển khoa học ứng dụng để phát triển nông nghiệp bền vững; những ứng dụng khoa học kỹ thuật hiệu quả, có khả năng thích ứng cao đối với sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện.

Chú trọng việc chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân và giới thiệu những mô hình công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp và ứng dụng các chế phẩm sinh học trong sản xuất nông nghiệp.

Đề đẩy mạnh ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, cùng với sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành chức năng của tỉnh cần có sự hỗ trợ đầu tư hoàn thiện quy hoạch, xây dựng các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng CNC; nghiên cứu chọn tạo các giống cây, con mới có năng suất, chất lượng cao và thích ứng với điều kiện của huyện, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh; tiến tới xây dựng bộ giống tiên tiến và sản phẩm nông sản đặc trưng của tỉnh; nghiên cứu chuyển giao các công nghệ canh tác nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có

khả năng tiếp cận, vận hành và ứng dụng kết quả chuyển giao công nghệ mới trong sản xuất và quản lý. Bên cạnh đó, tinh cần tăng cường đầu tư cho hoạt động KH&CN, tập trung phát triển nông nghiệp CNC, trong đó tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp; chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ địa bàn nông thôn, trước hết là công nghệ chế biến, bảo quản nông sản.

Chuyển giao các tiến bộ KH&CN trong nông nghiệp, nhất là công nghệ giống, công nghệ bảo quản - chế biến nông sản, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm. Có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các trang trại, các hợp tác xã mở mang ngành nghề ở nông thôn. Khuyến khích nông dân mạnh dạn áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đảm bảo cho nông nghiệp phát triển với trình độ cao và bền vững... Phân đầu hình thành cơ cấu cây trồng, vật nuôi hợp lý, năng động theo hướng sản xuất hàng hóa,...

Khai thác hiệu quả tiềm năng và lợi thế đất đai, lao động; nâng cao giá trị gia tăng cho những nông sản đặc trưng, quy mô lớn, tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn có sức cạnh tranh cao.

Đẩy mạnh chính sách tín dụng ưu đãi trong nông nghiệp đối với cá nhân, tổ chức hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện.



# HỒNG HOA - LOÀI CÂY ĐA MỤC ĐÍCH ĐẦY TRIỂN VỌNG KÓA ĐỐI GIẢM NGHÈO KHU VỰC NÔNG THÔN MIỀN NÚI

Phạm Ngọc Danh

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

## 1. Giới thiệu chung

Cây Hồng hoa (*Hibiscus sabdariffa* L.) thuộc họ bông (*Malvaceae*), có nguồn gốc từ Trung Mỹ và Bắc Phi được đưa vào Việt Nam năm 1992. Đây là loại dược liệu quý, có giá trị sử dụng và giá trị kinh tế cao. So với các cây trồng ngắn ngày truyền thống, như: sắn, ngô, lúa, đậu, lạc... trồng Hồng hoa mang lại lợi nhuận cao hơn.

Hồng hoa có trên 300 loài, là loài cây sinh trưởng và có xuất xứ từ các nước có khí hậu nhiệt đới và á nhiệt đới. Cây phân bố chủ yếu ở một số vùng của Châu Phi, Indonesia, Thái Lan, Ấn Độ, Trung Quốc, Mexico,... Ở Việt Nam có 23 loài, nhiều loài là cây trồng làm cảnh, làm thuốc và làm rau ăn. Theo tài liệu nước ngoài, tùy theo mục đích sử dụng, người ta phân loại hồng hoa thành hai thứ: *Hibiscus sabdariffa* L. var. *sabdariffa* (trồng để lấy đài ăn và làm thuốc) và *Hibiscus sabdariffa* L. var. *altissima* (chủ yếu để lấy sợi bện thừng).

### Đặc điểm hình thái

Hồng hoa là cây ngắn ngày, cao 1,5 - 2,5m, phân nhánh gần gốc, màu tím nhạt. Lá hình trứng, phân thành 3 - 5 thùy, 8 - 15cm, mép có răng, sắp xếp luân phiên trên thân cây. Hoa đơn độc, mọc ở

nách, gần như không có cuống, đường kính 8 - 10cm, tràng hoa màu trắng hoặc vàng nhạt với một đám đỏ ở gốc mỗi cánh hoa. Đài hoa rộng 1 - 2cm, kéo dài đến 3 - 3,5cm, màu đỏ tươi như quả chín. Quả nang hình trứng, có lông thô mang đài màu đỏ sáng tồn tại bao quanh quả. Cây ra hoa từ tháng 7 đến tháng 11. Năng suất từ 17 - 20 tấn/ha, nếu chăm sóc tốt có thể đạt trên 20 tấn/ha.

### Đặc điểm sinh thái

Đây là loại cây có đặc tính không kén đất, ưa đất đồi núi, khí hậu nóng ẩm. Trồng bằng hạt, tốt nhất vào tháng 5 và thu hoạch đợt 1 vào tháng 8, đợt 2 sau 1 - 2 tháng. Lá, đài của hoa Hồng hoa chín rất nhanh và chỉ được thu hái trong vòng 15 - 20 ngày sau khi hoa nở khi chúng còn mềm, không nhăn héo và có màu đỏ sẫm.

### Thành phần hóa học

Trong Hồng hoa có các thành phần dinh dưỡng như: Vitamin C, chất xơ, chất béo, canxi, photpho, sắt, carotene... Đặc biệt, hoa Hồng hoa có chứa một chất màu vàng loại flavonol glucosid là Hibiscitrin; Hibiscetin; Gossypitrin và Sabdaritrin. Quả khô chứa canxi oxalat, Gossypetin, Anthocyanin (có tác dụng kháng sinh) và Vitamin C. Hạt

chứa 7,6% nước, 22,3% dầu, 24% protein, 13,5% chất xơ, 7% chất khoáng. Dầu ép từ hạt Hồng hoa và chất không xà phòng hoá có tác dụng kháng sinh trên một số chủng vi khuẩn như *Escherichia coli*, *Salmonella typhi*, *Bacillus subtilis*, *Coryne bacterium pyogenes*, *Staphylococcus aureus*... và có tác dụng kháng nấm trên một vài loài nấm như: *aspergillus*, *trychophyton*, *cryptococcus*...

### Tác dụng dược lý

Đài hoa Hồng hoa có tác dụng với rối loạn lipid máu, tăng huyết áp, đái tháo đường, ung thư (công trình của các nhà nghiên cứu Malaysia), lợi tiểu (công trình của các nhà nghiên cứu Thái Lan). Hồng hoa còn có tính kháng khuẩn, kháng nấm, chống viêm, chống oxy hóa (sự già hoá của cơ thể), giúp ngăn ngừa bệnh tim mạch, tăng cường chức năng tiêu hoá (công trình của Rovesti và Griebel).

### Công dụng

Công dụng của cây Hồng hoa rất phong phú, cụ thể: Đài quả tươi màu đỏ làm mứt và siro. Đài quả sấy cho khô dèo thành mứt Hồng hoa. Đài và lá dùng làm thuốc nhuận gan, lợi tiểu. Lá cũng có tác dụng lợi tiểu, an thần và làm mát. Quả





*Đoàn Công tác của Ban Quản lý dự án JICA - VNU BIOMASS khảo sát cây Hồng Hoa trồng tại tỉnh Đắk Nông*

*Ảnh: TL*

chống scorbut (thiếu Vitamin C). Trị bệnh tim và thần kinh, huyết áp cao, xơ cứng động mạch.

Một số sản phẩm từ Hồng hoa có mặt trên thị trường như: Sữa tắm dưỡng da (trừ khuẩn lỗ chân lông) từ ép vỏ cứng tách ra từ nụ. Nước uống từ lấy đài của quả để ép, màu hồng đậm, uống thơm, Rượu vang bằng cách lên men với đường. Dầu được ép từ hạt (sau khi bóc vỏ) trà (pha, kích thích sinh lý), bột lá nghiền nhỏ, bột đài quả.

## **2. Thực trạng và triển vọng phát triển Hồng hoa ở Việt Nam**

Ở nước ta, Hồng hoa phân bố khá rộng từ các tỉnh trung du miền núi phía Bắc như: Hoà Bình, Lào Cai, Quảng Ninh; Trung bộ như: Thanh Hoá, Nghệ An, Lâm Đồng cho đến các tỉnh Nam bộ như: Bình Thuận, Phú Yên, Bình Dương,... Từ đầu thập niên 90 đến nay, Hồng hoa trồng nhiều

ở miền Trung, nguồn giống chủ yếu từ Đức. Hồng hoa đã được Công ty Dược liệu TW2 triển khai trồng ở Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Thuận (với diện tích khoảng 400ha) để xuất khẩu đài hoa. Năng suất khoảng 400 - 800kg đài khô/ha. Sau đó trồng thử nghiệm để phù đất trồng đòi trợ cho kết quả tốt ở Hà Tây (cũ), Hòa Bình, rất thích hợp với đất đai cằn cỗi, ít mưa nhiều nắng. Cây ưa sáng, ưa ẩm và cũng có thể chịu hạn. Cây trồng ở Việt Nam có khả năng thích nghi với nhiều loại đất, kể cả đất đồi vùng trung du, hơi chua (Ba Vì).

Tại Đà Nẵng, Hồng hoa được sử dụng để chế biến rượu vang, Hibvalley - thung lũng hoa Hibiscus – đã được công ty Chăm Chăm đăng ký nhãn hiệu, đây là dòng sản phẩm rượu vang, nước trái cây lên men và các loại rượu mạnh. Ngoài ra, công ty này cũng đã nghiên

cứu thành công 5 dòng sản phẩm khác như nước trái cây lên men Hibvalley Fermented Juice, rượu cognac trắng, rượu cognac màu, thực phẩm chức năng vang tươi Hibiscus... Các sản phẩm đã được Bộ Y tế và Sở Y tế Đà Nẵng kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn chất lượng lưu hành. Hiện sản phẩm có mặt tại khu chợ đêm, bãi biển Công viên Phạm Văn Đồng, khu du lịch Bà Nà, một số đại lý ở Đà Nẵng, Huế, Quảng Nam, Quảng Trị...

Tại Bình Thuận, trong những năm gần đây, nhiều công trình nghiên cứu đã đưa ra những kết luận về lợi ích của cây Hồng hoa mang lại hiệu quả tốt cho sức khỏe của con người, nắm bắt được điều đó, các công ty đã mở rộng hợp tác kinh doanh với các công ty nước ngoài. Chính vì vậy, các hộ gia đình đã tăng diện tích đất canh tác nhằm nâng cao năng suất và sản lượng thu hoạch hoa Hồng hoa, góp phần tăng thu nhập và doanh thu cho nền kinh tế của tỉnh nhà. Các công ty sẽ có những hợp đồng dài hạn với các hộ gia đình. Lúc đầu các công ty sẽ chủ động nguồn giống, hướng dẫn cách trồng cho người dân, theo dõi chỉ dẫn những vấn đề hay khó khăn có thể xảy ra trong lúc trồng cho đến lúc thu hoạch. Đến mùa thu hái, đại diện của công ty sẽ xuống thu mua đài hoa Hồng hoa khô. Điển hình lúc đầu diện tích đất trồng cây Hồng hoa ở tỉnh Bình Thuận là 400ha, sản lượng đạt 400 -



800kg đài hoa Hồng hoa khô/ha. Nhận thấy được lợi ích và tiềm năng phát triển mang lại từ việc trồng cây Hồng hoa, người dân nơi đây đã khai thác, cải tạo và đầu tư đất canh tác để trồng cây Hồng hoa. Chính vì thế, trong những năm qua tổng diện tích đất trồng cây Hồng hoa ở tỉnh Bình Thuận không ngừng tăng.

Tại Đăk Lăk, Hồng hoa được trồng thí điểm tại huyện Buôn Đôn và thành phố Buôn Ma Thuột. Cả 2 nơi đều cho kết quả khả quan, thời gian gieo trồng đến thời kỳ thu hoạch kết thúc khoảng 6 tháng, năng suất bình quân từ 17 - 20 tấn/ha; hiệu quả kinh tế bình quân 50 triệu/ha cao hơn một số loại cây trồng khác khoảng 30 triệu đồng/ha.

Ở Đăk Nông, qua khảo sát thực tế cũng đã có một số hộ nông dân gây trồng Hồng hoa, mục đích chính là lấy đài quả tươi để sử dụng làm nước giải khát như mứt, siro...

Vừa qua, đoàn công tác Dự án JICA-VNU BIOMASS (Ban quản lý dự án hỗ trợ kỹ thuật Việt Nam - Nhật Bản "Giải pháp đa lợi ích giảm thiểu biến đổi khí hậu ở Việt Nam và các nước Đông Dương bằng phát triển năng lượng sinh học") do GS.TSKH Lưu Văn Bôi - Giám đốc Dự án phía Việt Nam, làm trưởng đoàn cùng đại diện của Viện Hàn Lâm khoa học công nghệ Việt Nam và các chuyên gia Nhật Bản, bắt đầu khảo sát tại vùng trồng cây có dầu và

vùng trồng cây được liệu tại một số vùng sinh thái của tỉnh Đăk Nông. Qua khảo sát, Đoàn công tác đã phát hiện cây Hồng hoa và đánh giá cao tiềm năng để phát triển loài cây này vì Hồng hoa không chỉ trồng để khai thác đài hoa mà còn khai thác các bộ phận khác của cây để chế biến ra các sản phẩm khác nhau như dầu, mỹ phẩm...

Điều tra, cây Hồng hoa được chọn mẫu theo phương pháp ngẫu nhiên trong vườn khoảng 200m<sup>2</sup> tại thị xã Gia Nghĩa cho thấy, cây Hồng hoa trồng trên đất sỏi tại thị xã Gia Nghĩa, số nhánh lên tới 16/cây. Nhánh lớn nhất của cây Hồng hoa có thể mang tới 32 lá, 19 hoa (nhánh cao 1.45 m). Số quả trên một cây dao động từ 50 - 100 hoa. Với nhánh nhỏ, số quả dao động từ 5 - 10 hoa trong khi với nhánh lớn số quả có thể gấp đôi. Phân tích tràng hoa của quả cây Hồng hoa cho thấy khối lượng quả tươi trung bình là 88,9 g/10 quả; khối lượng quả sấy khô trung bình là 39,4g/10 quả (dưới ½ khối lượng quả tươi - số liệu thực địa Đăk Nông hoặc 21% - số liệu PTN 2). Trong đó:

Khối lượng đài hoa tươi trung bình là 43,5g/10 quả (khoảng ½ khối lượng quả tươi). Khối lượng đài hoa sấy khô trung bình là 5,3g/10 quả chiếm khoảng 10% (số liệu PTN 2) tới 15% đài hoa tươi (số liệu thực địa Đăk Nông). Số hạt/quả dao động từ 27 - 32 hạt/quả với khối lượng hạt/

quả trung bình dao động từ 1,863g - 2,101g (độ ẩm hạt đã phơi khô là 4.9% - số liệu PTN 2).

Sau khi ép hạt với độ ẩm 4,88% thì 9,7 kg hạt (độ ẩm 4,88%), cho ra 820ml dịch, qua bước lọc và chiết lỏng, còn lại 550ml dầu.

Khi chiết với Ethanol, 5,053g đài khô tuyệt đối thêm 40ml Ethanol khuấy từ trong 30 phút, sau đó Sấy khô, kết quả TLK còn lại là 4,991g, trọng lượng giảm chiếm 1,23%.

### 3. Kết luận

Cây Hồng hoa sử dụng đa mục đích (tận dụng tối đa sinh khối từ Đài, lá, hạt). Là loài cây dễ tính, canh tác đơn giản, thời gian sinh trưởng, phát triển ngắn (khoảng 4 tháng), vốn đầu tư ít, phù hợp với đời sống canh tác của đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời, cây có thể trồng xen trong các loại cây ngắn ngày hoặc trồng trong vườn tiêu, cao su, cà phê trong những năm đầu. Thị trường tiêu thụ sản phẩm chủ yếu mới sử dụng phần đài hoa tươi. Do đó, nếu được dự án JICA-VNU BIOMASS hay các tổ chức Quốc tế hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án sẽ góp phần tích cực trong công tác xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Đề nghị tiếp tục nghiên cứu, chuyển giao công nghệ sản xuất, thu hái, bảo quản, chế biến; nghiên cứu sử dụng triệt để các bộ phận của cây và các sản phẩm từ cây Hồng hoa.



# TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO TẠI TỈNH ĐẮK NÔNG HIỆN NAY

*PGS.TS Phan Thị Hồng*

*Trường Đại học Đà Lạt*

## **Đặt vấn đề**

Tình hình tín ngưỡng bản địa, truyền thống và tôn giáo (Phật giáo, Công giáo, Tin lành) ở Đắk Nông những năm vừa qua và hiện nay là vấn đề thu hút sự quan tâm, chú ý của giới nghiên cứu. Từ lịch sử của vùng đất, sự thay đổi nhanh chóng về đời sống dân cư, dân số cùng sự chuyển biến mạnh mẽ về kinh tế, xã hội, văn hóa, đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở Đắk Nông cũng bước vào thời kỳ mới với nhiều biến đổi, thay thế. Do vậy, việc tìm hiểu nghiên cứu, đề nhận thức đầy đủ diện mạo cũng như các chiều hướng vận động, phát triển của đời sống tín ngưỡng, tôn giáo đối với địa bàn Đắk Nông là điều hết sức cần thiết.

Trên cơ sở nghiên cứu tình hình, đặc điểm chung của đời sống tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, kết hợp với kết quả tổng hợp, phân tích những công trình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài của các học giả ngoại quốc và giới nghiên cứu trong nước, từ đó nhận thức rõ và đầy đủ hơn phần tích cực và yếu tố hạn chế, tiêu cực của loại hình văn hóa tinh thần này

trong đời sống các cộng đồng cư dân. Đồng thời, đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế phần bất cập, tiêu cực của tín ngưỡng truyền thống và tôn giáo tại Đắk Nông hiện nay.

## **Nội dung và phương pháp nghiên cứu**

### **1. Nội dung nghiên cứu**

- Tín ngưỡng bản địa và tôn giáo ở Đắk Nông trong bối cảnh chung của Việt Nam.

- Tín ngưỡng bản địa, truyền thống các dân tộc ở Đắk Nông

- Tôn giáo (Phật giáo, Công giáo, Tin lành) trong đời sống các cộng đồng dân tộc tại Đắk Nông.

### **2. Phương pháp nghiên cứu**

- Về quan điểm nghiên cứu: Quán triệt tinh thần quan điểm duy vật biện chứng. Tình hình, đặc điểm đời sống tín ngưỡng, tôn giáo tại địa bàn Đắk Nông cũng được tiếp cận nghiên cứu với quan điểm hệ thống - cấu trúc, quan điểm thực tiễn và quan điểm lịch sử.

- Cấp độ phương pháp khoa học trong nghiên cứu tiếp theo được triệt để vận dụng là phương pháp tiếp cận

nhân học văn hóa, liên ngành tôn giáo học, dân tộc học, văn hóa học và xã hội học...

- Phương pháp khảo sát điều tra, điền dã tại thực địa được vận dụng với các biện pháp:

+ Chọn địa điểm khảo sát, điền dã.

+ Thu thập thông tin bằng phiếu khảo sát, phỏng vấn sâu, quan sát tham dự...

+ Phương pháp chuyên gia.

+ Kế thừa thành tựu của các nhà khoa học trong và ngoài nước trong suốt gần cả thế kỷ nay.

## **Kết quả nghiên cứu và bàn luận**

### **1. Tín ngưỡng bản địa và tôn giáo ở Đắk Nông trong bối cảnh chung của Việt Nam**

*\* Về tín ngưỡng bản địa, truyền thống và các tôn giáo ngoại nhập ở Việt Nam và những vấn đề liên quan:* Sơ lược về các cộng đồng dân tộc Việt Nam; Những điểm căn bản nhất của thế giới quan siêu nhiên, quan niệm về lực lượng siêu nhiên cùng một số tín ngưỡng truyền thống tiêu biểu ở Việt Nam. Sơ lược đề cập đến những vấn đề căn bản





*Lễ cúng mừng sức khỏe được người Mạ tỉnh Đắk Nông coi là một trong những nghi lễ truyền thống quan trọng trong đời sống tâm linh, sinh hoạt hàng ngày.* Ảnh: TL

nhất về lịch sử hình thành, nội dung giáo lý, nghi lễ tín ngưỡng và quá trình truyền bá vào Việt Nam của các tôn giáo: Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, Hồi giáo, Công giáo, Tin lành.

\* *Tín ngưỡng truyền thống các dân tộc bản địa Tây Nguyên và quá trình truyền bá, thâm nhập của các tôn giáo (Phật giáo, Công giáo, Tin lành):* Tìm hiểu một số đặc điểm tín ngưỡng truyền thống các dân tộc Tây Nguyên; quá trình thâm nhập, truyền bá của ba tôn giáo lớn ở Việt Nam vào Tây Nguyên từ những năm giữa thế kỷ XIX cho đến nay.

\* *Tín ngưỡng truyền thống và tôn giáo ở Đắk Nông:*

Khái quát chung về tỉnh Đắk Nông (Điều kiện tự nhiên; những thành tựu trong

công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa; đặc điểm dân cư Đắk Nông).

Đặc điểm tình hình tín ngưỡng truyền thống và tôn giáo ở Đắk Nông: Đề cập ngắn gọn quá trình xuất hiện và một vài số liệu cần thiết đối với các tôn giáo chính ở Đắk Nông hiện nay (Công giáo, Tin lành, Phật giáo); sự tiếp xúc, giao lưu văn hóa ở Đắk Nông, cơ sở của biến đổi về tín ngưỡng, tôn giáo.

## **2. Tín ngưỡng bản địa, truyền thống các dân tộc ở Đắk Nông**

\* *Về tín ngưỡng bản địa, truyền thống các dân tộc M'ông, Mạ:*

Đề tài tìm hiểu một số đặc điểm văn hóa tộc người trên các phương diện: Dân số, địa bàn cư trú, văn hóa truyền thống; Tín ngưỡng bản

địa truyền thống M'ông; Tín ngưỡng thần linh và tư tưởng thần linh chủ nghĩa qua một số nghi lễ Mạ.

Một số kết quả khảo sát thực tế về tín niệm truyền thống và lễ nghi (Nghi lễ vòng đời và Nghi lễ nông nghiệp).

Những biến đổi của tín ngưỡng truyền thống M'ông, Mạ hiện nay được tìm hiểu trên các phương diện: Cơ sở và động lực của sự biến đổi trên các mặt văn hóa kinh tế, văn hóa xã hội, văn hóa tinh thần; một số biến đổi trong đời sống tín ngưỡng M'ông, Mạ hiện nay (biến đổi về tư tưởng tín ngưỡng và nghi lễ cầu cúng, xu hướng giảm dần, tan rã đồng thời phục hồi, đổi mới).

\* *Tín ngưỡng truyền thống các dân tộc Kinh, Nùng, Tày, Mông:* Tìm hiểu về một số đặc điểm văn hóa tộc người và tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc trên.

\* *Một số vấn đề khác:* Những biến đổi về tín ngưỡng truyền thống Kinh, Nùng, Tày, Mông; Vai trò thầy cúng trong đời sống tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc ở Đắk Nông hiện nay; Một vài so sánh tín ngưỡng truyền thống các dân tộc ở Đắk Nông; Những mặt tích cực và phần hạn chế của tín ngưỡng truyền thống trong cuộc sống các cộng đồng cư dân bản địa (M'ông, Mạ) ở Đắk Nông; Những mặt tích cực và phần



hạn chế của tín ngưỡng truyền thống trong cuộc sống các dân tộc nhập cư (Kinh, Nùng, Tày, Mông) ở Đắk Nông.

*\* Một số giải pháp phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của tín ngưỡng truyền thống:*

Vấn đề bảo tồn, phát huy truyền thống tín ngưỡng là vấn đề lâu dài, có quan hệ chặt chẽ với việc giữ gìn, nâng cao giá trị của cả nền văn hóa truyền thống, nên trước mắt để từng bước thực hiện công tác trên có thể vận dụng các giải pháp sau:

+ Các cơ quan chuyên trách phối hợp với người dân cần triển khai sớm việc thu thập, thống kê nhận biết càng đầy đủ càng tốt những dạng thức tín ngưỡng các dân tộc trong tỉnh. Đồng thời, cùng phối hợp, phân tích, đánh giá mặt tích cực và phân hạn chế tiêu cực để từ đó có cơ sở khoa học cho công tác bảo tồn, kế thừa trong thực tiễn, cảnh giác trước những hiện tượng tín ngưỡng nguy hại. Cần đặc biệt chú ý khơi gợi tính chủ động của người dân trong việc nhìn nhận giá trị và khía cạnh lỗi thời, bất cập của tín ngưỡng truyền thống trong cuộc sống mỗi gia đình và tập thể cộng đồng. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh cần tạo điều kiện cho cán bộ các cơ quan chuyên trách thực hiện các đề tài dự án để triển khai các nội dung trên.

+ Khuyến khích và tạo điều kiện cho các dân tộc tổ chức lễ hội truyền thống tiêu biểu của dân tộc mình một cách văn minh để từ đó biểu dương giá trị, ý nghĩa tín ngưỡng, tâm linh sâu xa của nghi lễ. Các xã, huyện, thị có thể chọn những lễ hội tiêu biểu của các dân tộc để có kế hoạch tổ chức hàng năm thật cụ thể. Việc chọn lễ hội và tổ chức luôn cần có sự tham gia góp ý kiến của người dân, nhất là trong việc khuếch trương những yếu tố tích cực, giảm thiểu những khía cạnh mang tính chất hủ tục, mê tín...

+ Tăng cường sự giám sát, quản lý của các cơ quan chuyên trách đối với những hiện tượng thuộc đời sống tín ngưỡng thiếu lành mạnh ảnh hưởng xấu đến xã hội để nhanh chóng phát hiện, chấn chỉnh kịp thời. Công việc này càng luôn cần có sự phối hợp và tinh thần trách nhiệm của các cấp chính quyền, mặt trận, các tổ chức, đoàn thể trong hệ thống chính trị và người dân tại địa bàn các thôn, bon, xã, huyện, thị.

+ Các xã, huyện, thị cần có kế hoạch hàng năm trong việc chọn đề tài, dự án, lễ hội tín ngưỡng truyền thống để thực hiện. Cần có kinh phí thích đáng cho các hoạt động văn hóa thiết thực này.

**3. Tôn giáo (Phật giáo, Công giáo, Tin lành) trong**

***đời sống các cộng đồng dân tộc tại Đắk Nông***

Trên nền tảng nền tín ngưỡng bản địa, truyền thống lâu đời của hàng chục cộng đồng dân tộc với hơn nửa triệu cư dân cùng sự nối liền mọi mặt hoạt động với toàn quốc, Đắk Nông hiện nay là địa bàn tiêu biểu về sự mở mang, sôi động và phát triển của Phật giáo, Công giáo, Tin lành. Tham gia các hoạt động xã hội, trước hết là đời sống tinh thần, tôn giáo ngày càng trở nên là lĩnh vực có tính thời sự tại một tỉnh mà thời gian thành lập mới chỉ hơn 10 năm như Đắk Nông. Cùng với hàng chục truyền thống tín ngưỡng được hội tụ, đan xen từ công cuộc chuyển cư nhanh chóng của các tộc người, các tôn giáo lần lượt thâm nhập địa bàn Đắk Nông, nhanh chóng khẳng định địa vị là những tôn giáo lớn. Có thể nhận thấy một số đặc điểm tình hình chung trong quá trình biến động, phát triển của tôn giáo ở Đắk Nông những năm vừa qua như sau:

Sự vận động phát triển mau chóng, đồng loạt và những phức tạp tiềm ẩn: Đối với tín ngưỡng truyền thống người ta có thể khó chứng kiến, nhận diện vì việc thờ cúng cơ bản chỉ diễn ra trong phạm vi gia đình, nơi chính ngôi nhà mà họ sinh sống. Khác hơn thế, Phật giáo, Công giáo, Tin lành ngoài việc tìm



cách thâm nhập vào đời sống tinh thần, tư tưởng, tình cảm của từng con người, xã hội thì hoạt động xây dựng nơi thờ tự phục vụ các lễ nghi, củng cố và khuếch trương đạo luôn được quan tâm và đề cao. Sự nổi bật của văn hóa kiến trúc (nhà thờ, chùa chiền, tịnh xá) tại Đắk Nông gắn liền với sự thăng tiến về số lượng và chất lượng của những cộng đồng "tín đồ". Một tình hình không thể nói là tiệm tiến trong vận hành, phát triển của các tôn giáo ở Đắk Nông. Sự khởi động và khởi sắc một cách mau chóng, rầm rộ của đời sống tín ngưỡng và tôn giáo ấy đã diễn ra trong khoảng hơn hai mươi năm trở lại đây.

Sự không đồng đều trong truyền bá của các tôn giáo vào đời sống các dân tộc: Phật giáo, Công giáo, Tin lành tuy xuất hiện ở Đắk Nông sớm có khác nhau nhưng nay đều trở thành những tôn giáo có vai trò lớn trong đời sống xã hội các cộng đồng cư dân. Khắp mọi địa bàn xã, huyện, tôn giáo hầu như đều có mặt và ngày càng phát huy vai trò. Tuy nhiên, nhận diện kỹ lưỡng hơn, sẽ nhận thấy hiện trạng không đồng đều trong kết quả thâm nhập vào đời sống các dân tộc của các tôn giáo này.

Vài nét về công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo tại tỉnh Đắk Nông: Công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ

trương, chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước; Công tác quản lý Nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo (Công tác xây dựng văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác tôn giáo; công tác quản lý tổ chức và hoạt động tôn giáo; công tác tranh thủ chức sắc tôn giáo; công tác đối ngoại về tôn giáo; Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại liên quan đến tôn giáo; công tác đấu tranh chống các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo, hoạt động tôn giáo trái pháp luật và các hiện tượng "tà đạo".

*\* Phật giáo, Công giáo, Tin lành trong đời sống các dân tộc M'ông, Mạ ở Đắk Nông:*

Về Phật giáo: Mạng lưới chùa chiền, tịnh xá, thiền viện tại Đắk Nông cơ bản vẫn chưa thực sự mọc lên trọng lòng các bon, thôn của các dân tộc M'ông, Mạ; mà chỉ mới bắt đầu có sự liên hệ, kết nối giữa Phật giáo với các cộng đồng dân tộc bản địa Đắk Nông. Những ngôi chùa, khu thiền viện ngày càng tiến sâu vào vùng sâu, vùng xa, chứ không chỉ có ở thị trấn, thị xã, thì Phật giáo mới có điều kiện đi vào đời sống đồng bào dân tộc thiểu số bản địa. Tuy thế, để những con người của bon, thôn truyền thống đến với chùa chiền, thấu hiểu thế giới tư tưởng Phật giáo, trở thành một nhóm tín đồ lấy nếp sống đạo của tôn giáo này làm kim

chỉ nam thực sự thì vẫn còn là vấn đề của tương lai.

Về Công giáo và Tin lành: Đây là hai hệ phái lớn của Kitô giáo, cùng được nảy sinh trên một nền tảng giáo lý. Vì thế, giữa Công giáo và Tin lành dù có một số điểm khác nhau trong hành giáo, nhưng những nội dung giáo lý căn bản hầu như vẫn là một. Tin lành bản chất vẫn là một giáo phái cách tân của Kitô giáo trong quá trình tồn tại, phát triển. Với quan điểm như thế, chúng tôi không tách riêng hai chi nhánh của Kitô giáo này trong nhìn nhận sự tác động và thâm nhập của nó vào đời sống người M'ông và người Mạ, Công giáo và Tin lành không thể hiện những điểm riêng, khác biệt.

*\* Phật giáo, Công giáo, Tin lành trong đời sống các dân tộc Kinh, Nùng, Tày, Mông ở Đắk Nông:*

Đến nay, trong số hàng chục dân tộc sinh sống ở Đắk Nông thì các dân tộc Kinh, Nùng, Tày, Mông vẫn thuộc nhóm dân số lớn. Đây là đối tượng truyền giáo tiềm năng của Phật giáo, Công giáo và Tin lành.

Đối với các dân tộc Tày, Nùng thì Phật giáo, Công giáo, Tin lành hầu như vẫn đứng ngoài thôn, bản các tộc người này. Có thể nói, trong rất nhiều những nguyên nhân dẫn đến việc hai dân tộc này hầu như vẫn đứng vững trước



sự tấn công của Phật giáo, Công giáo, Tin lành, thì chính sự dày dạn về truyền thống tín ngưỡng, phong tục, tập quán tộc người đã giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Tuy nhiên, nhiều người dân Tày, Nùng vào dịp lễ lớn vẫn lên chùa cầu an, hái lộc. Từ sự tiếp xúc ban đầu, trong một tương lai không xa, có thể Phật giáo sẽ tiến sâu hơn vào tâm thức và đời sống các dân tộc thiểu số phía Bắc vốn có đầu óc tín ngưỡng rất sâu đậm này.

Đến nay, Phật giáo, Công giáo vẫn chủ yếu phát huy vai trò trong đời sống người Kinh, cư dân đa số. Việc người Kinh nhập cư ngày càng nhiều ở Đắk Nông cũng khiến Phật giáo sớm trở thành một tôn giáo lớn ở vùng đất mới này. Còn Tin lành ở Đắk Nông trong cộng đồng người Việt cho đến nay vẫn hết sức mờ nhạt.

Dân tộc Mông, khác với các tộc người láng giềng (Tày, Nùng, Thái) có phần nhẹ nhàng hơn khi từ bỏ truyền thống để đến với một hiện tại mới. Tin lành là một trong số những chuyển đổi và điếm đến về tinh thần, tư tưởng mà người Mông chọn lựa cho đến hiện nay.

*\* Một số vấn đề khác:* Đặc điểm, tình hình hệ thống kiến trúc tín ngưỡng truyền thống và tôn giáo ở Đắk Nông hiện nay; Một số vấn đề về tình hình truyền giáo (Phật



*Lễ hội Phật giáo cầu quốc thái dân an.*

*Ảnh. TL*

giáo, Công giáo, Tin lành) ở Đắk Nông hiện nay; Mối quan hệ giữa tín ngưỡng truyền thống và tôn giáo tại Đắk Nông; Mối quan hệ giữa các tôn giáo ở Đắk Nông; Vai trò các tổ chức và chức sắc tôn giáo ở Đắk Nông hiện nay; Vấn đề lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo của các thế lực xấu và thù địch tại Đắk Nông; Tác động tích cực và phần hạn chế của Phật giáo, Công giáo, Tin lành trong cộng đồng cư dân bản địa M'ông, Mạ hiện nay; Tác động tích cực và phần hạn chế của Phật giáo, Công giáo, Tin lành trong cộng đồng người Kinh, Nùng, Tày, Mông ở Đắk Nông hiện nay.

*\* Một số giải pháp phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của tôn giáo ở Đắk Nông:*

Khuyến khích, bồi dưỡng, khen thưởng chính đáng, kịp thời đối với đóng

góp của các tôn giáo, đội ngũ chức sắc, giáo xứ, giáo hội, chi hội, gia đình giáo dân đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa của tỉnh. Đồng thời, phổ biến, quán triệt đầy đủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về tôn giáo đối với đội ngũ chức sắc để có cơ sở xử lý nghiêm những vi phạm làm ảnh hưởng đến sự nghiệp chung.

Đối với các hiện tượng "tà đạo", "đạo lạ" cần phát hiện sớm và kiên quyết trong sử dụng biện pháp hành chính kết hợp truyền thống, giáo dục để nhân dân không bị lôi kéo, kích động.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các tôn giáo tổ chức những ngày lễ lớn một cách trang trọng, tươi vui tạo hiệu ứng văn hóa tinh thần tốt đẹp cho nhân dân trong tỉnh.

Khuyến khích và tạo



điều kiện cho các tôn giáo tham gia các hoạt động xã hội thiết thực, bổ ích như trại hè, khuyến học, giáo dục mầm non, giúp đỡ gia đình hoàn cảnh khó khăn...

### Kết luận

1) Đắk Nông hiện nay là địa bàn hội tụ của hơn ba mươi dân tộc gồm nhóm cư dân bản địa và nhóm cư dân mới. Nhóm cư dân bản địa và các dân tộc mới di cư tới đều là chủ nhân của các truyền thống tín ngưỡng tộc người có nguồn gốc lịch sử lâu đời, thuộc phạm trù văn hóa dân gian. Tiến trình hội nhập của vùng đất Đắk Nông, cũng như của Tây Nguyên tất yếu dẫn đến sự du nhập của các tôn giáo lớn là Phật giáo, Công giáo, Tin lành... Dù tín ngưỡng bản địa, truyền thống các dân tộc Đắk Nông còn thuộc lớp tín ngưỡng truyền thống dân gian, duy trì theo phương thức phi giáo lý, điện thờ, chức sắc nhưng đến nay, nó vẫn bền bỉ hiện diện cùng với các tôn giáo lớn với hệ thống giáo lý, nhà thờ, chùa chiền, tịnh xá và đội ngũ chức sắc chuyên nghiệp là Phật giáo, Công giáo, Tin lành.

2) Tín ngưỡng, tôn giáo các cộng đồng dân tộc Đắk Nông dù mang những đặc điểm, tính chất khác nhau nhưng cơ bản đều thể hiện nhất quán là sản phẩm văn hóa xã hội đáp ứng nhu cầu tinh thần, tình cảm, tâm lý của con

người. Đắk Nông trong những năm vừa qua và hiện nay về phương diện đời sống tín ngưỡng, tôn giáo cũng diễn ra quá trình giao lưu, tiếp nhận, bồi đắp, song cũng vừa không tránh khỏi sự hao mòn, mai một của một số truyền thống tín ngưỡng bản địa trước sự truyền bá của các tôn giáo lớn. Tuy nhiên, do những điều kiện lịch sử xã hội, văn hóa đặc thù, một số dân tộc mới di cư tới Đắk Nông (Nùng, Tày, Thái) vẫn giữ vững nề nếp trong thờ cúng, thực hành nghi lễ... Văn hóa không bất động mà luôn biến đổi, vận hành, phát triển. Sự truyền bá và tăng trưởng nhanh chóng, sôi động của các tôn giáo ở Đắk Nông là hiện tượng tất yếu.

3) Đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của hơn nửa triệu cư dân Đắk Nông trong những năm vừa qua và hiện nay thực sự bước vào một thời kỳ mới nhiều thuận lợi hơn trước. Cùng với sự tiếp tục phát huy vai trò, tác dụng của một bộ phận trong nền tín ngưỡng truyền thống các tộc người là sự phát triển mạnh mẽ của các tôn giáo. Chủ trương, chính sách của Nhà nước ta thực sự đã tạo nên cơ hội mới, diện mạo mới cho đời sống tín ngưỡng, tôn giáo mọi vùng, miền trên toàn quốc trong đó có Đắk Nông.

4) Tín ngưỡng mà đặc biệt là tôn giáo ở Đắk Nông chịu ảnh hưởng và tác động

chung của vùng Tây Nguyên, cả nước và cũng không tránh khỏi hiệu ứng quốc tế. Ở Đắk Nông vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo luôn gắn liền với vấn đề lịch sử, văn hóa và cụ thể là vấn đề quan hệ dân tộc, di cư, đất đai... Tất cả những điều ấy đã tác động và góp phần tạo nên đặc thù riêng của tình hình tín ngưỡng, tôn giáo tại Đắk Nông.

5) Để đời sống tín ngưỡng, tôn giáo trở thành một phương diện văn hóa lợi ích, đem đến sự phát triển hài hòa, tốt đẹp cho đời sống xã hội, không chỉ là chủ trương, chính sách thể hiện sự hội nhập quốc tế, tiến bộ mà nên cần có sự quản lý, điều hành đúng đắn, khoa học.

6) Việc đề ra giải pháp cụ thể, hữu hiệu để phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của tín ngưỡng và tôn giáo không hề đơn giản. Đối với lĩnh vực văn hóa gắn liền với đời sống tinh thần song cũng quan hệ chặt chẽ với những vấn đề xã hội khác này, để nó ngày càng trở nên hữu ích, nhân văn, đòi hỏi mỗi "tín đồ" đều phải có ý thức làm người, ý thức công dân thực sự đúng đắn, chuẩn mực. Bởi vậy, để tín ngưỡng, tôn giáo thật sự là thành tố văn hóa tinh thần lành mạnh, tốt đẹp thì một nền tảng xã hội vững mạnh với sự phát triển, tiến bộ, văn minh là hết sức cần thiết.



# SỬ DỤNG CHẾ PHẨM VI SINH VẬT ĐA CHỨC NĂNG VÀ PHÂN BÓN HỮU CƠ VI SINH VẬT ĐA CHỨC NĂNG GÓP PHẦN NÂNG CAO NĂNG SUẤT CÂY TRỒNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI

Trần Huy Vân

Trung tâm TT&ƯD KHCN Đắk Nông

## Giới thiệu

Đắk Nông là một tỉnh có tiềm năng phát triển nông - lâm nghiệp rất lớn, sản xuất nông nghiệp của tỉnh chiếm 60,78% trong cơ cấu các ngành kinh tế, đóng góp một phần quan trọng trong nguồn thu ngân sách của tỉnh. Nhờ vào diện tích đất nông - lâm nghiệp lớn (591.862 ha), chiếm hơn 90,78% tổng diện tích tự nhiên. Trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 163.324 ha, Đắk Nông đã và đang hình thành các vùng chuyên canh tập trung sản xuất các cây công nghiệp dài ngày (cà phê, cao su, hồ tiêu, điều) và các loại cây ngắn ngày (lúa nước, ngô, bông vải, mía đường, cây hoa màu, đậu đỗ...).

Thực hiện định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh giai đoạn từ nay tới năm 2020 đã được Chính phủ phê duyệt và các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X đã đề ra, UBND tỉnh đã xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm, giai đoạn 2011 - 2015, với mục tiêu tổng quát đó là: Tập trung phát triển nguồn lực, tạo bước phát triển đột phá về kinh tế trong công nghiệp khai khoáng và năng lượng, công nghiệp chế biến và nông nghiệp chất lượng cao... sản xuất nông nghiệp tại Đắk

Nông cần tập trung phát triển sản xuất theo hướng thâm canh tăng năng suất, nâng cao thu nhập và hiệu quả kinh tế cho người nông dân trên đơn vị đất canh tác, từng bước nâng cao chất lượng nông sản, tạo ra các vùng nguyên liệu lớn phục vụ công nghiệp chế biến. Đặc biệt trên các đối tượng cây trồng được coi là mũi nhọn của tỉnh như: Cây cà phê, hồ tiêu, cao su, điều... nhưng với thực trạng sản xuất nông nghiệp của tỉnh như hiện nay, nông dân đầu tư thâm canh cao cho cây trồng nhưng quá lạm dụng phân hóa học, thiếu phân bón hữu cơ. Đặc biệt đối với cây công nghiệp thì sau khoảng thời gian dài từ 15 đến 20 năm sử dụng, làm cho đất chai cứng và mất dần cân bằng hệ sinh thái vi sinh vật đất.

Để góp phần tạo thế cân bằng hệ vi sinh vật đất, cải tạo tính chất lý hóa của đất và giữ ổn định năng suất, chất lượng nông sản thông qua sử dụng chế phẩm vi sinh vật đa chức năng (VSVĐCN) và phân bón hữu cơ vi sinh vật đa chức năng (HCVSVĐCN) trong sản xuất nông nghiệp là hết sức cần thiết. Xuất phát từ thực tế nêu trên Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ

tỉnh Đắk Nông triển khai thực hiện Dự án “Áp dụng công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh vật đa chức năng và phân bón hữu cơ vi sinh vật đa chức năng tại tỉnh Đắk Nông”.

## Nội dung thực hiện

- Chuyên giao và tiếp nhận công nghệ sản xuất chế phẩm VSVĐCN và phân bón HCVSVĐCN.

- Xây dựng mô hình sản xuất chế phẩm VSVĐCN và phân bón HCVSVĐCN.

- Đào tạo và tiếp nhận công nghệ.

## Kết quả triển khai thực hiện dự án

### 1. Kết quả công tác chuyển giao công nghệ

Cơ quan chủ trì dự án và cơ quan chuyển giao công nghệ đã phối hợp thực hiện chuyển giao công nghệ, tiếp nhận công nghệ và xây dựng quy trình sản xuất chế phẩm VSVĐCN và quy trình sản xuất phân bón HCVSVĐCN cho một số cây trồng chính như: Cây cà phê, hồ tiêu, điều và cao su...

### 2. Kết quả đào tạo cán bộ kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn nông dân

Trong quá trình triển khai dự án, cơ quan chủ trì đã phối hợp với cơ quan chuyển giao





*Cán bộ Trung tâm TT&UD KHCN hướng dẫn người dân ở xã Đắk Som (Đắk G'long) cách làm phân HCVSVĐCN từ vỏ cà phê*

Ảnh: TL

công nghệ (Viện Môi trường Nông nghiệp) đào tạo cán bộ kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn nông dân.

#### *a. Đào tạo cán bộ kỹ thuật viên cơ sở*

Trên cơ sở các buổi tập huấn kỹ thuật về lý thuyết và thực hành tổ chức tại cơ quan chuyên giao công nghệ và cơ quan chủ trì, các cán bộ kỹ thuật của Trung tâm đã nắm vững được kỹ thuật sử dụng trong sản xuất chế phẩm VSVĐCN và phân bón HCVSVĐCN. Được trang bị đầy đủ kiến thức cả về lý thuyết và thực hành, nắm vững kỹ thuật sản xuất và các bước kiểm tra chất lượng chế phẩm VSVĐCN, phân bón HCVSVĐCN và các nguồn chất hữu cơ trước khi đưa vào ủ.

#### *b. Tập huấn kỹ thuật cho nông dân*

Thông qua các lớp tập

huấn kỹ thuật và hội thảo đầu bờ, nông dân đã hiểu được tác dụng của chế phẩm VSVĐCN và phân bón HCVSVĐCN đối với một số loại cây trồng chính tại địa phương.

Sau khi kết thúc mỗi lớp tập huấn, Trung tâm đã cung cấp 02kg chế phẩm/hộ nông dân tham gia tập huấn để tự sản xuất, phối trộn chế phẩm VSVĐCN với nguyên liệu hữu cơ đã xử lý tạo phân bón HCVSVĐCN theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật.

### **3. Kết quả xây dựng các mô hình**

#### **3.1. Mô hình sản xuất chế phẩm VSVĐCN**

Dự án đã sản xuất được 2.502 kg chế phẩm dạng bột và 200 lít dạng lỏng. Đạt và vượt yêu cầu so với mục tiêu và sản phẩm đề ra.

#### **3.2. Mô hình sản xuất phân bón HCVSVĐCN**

Dự án đã sản xuất được 2.502 tấn phân bón HCVSVĐCN để phục vụ cho các mô hình trình diễn và cung cấp cho nông dân tại địa phương bón cho cây trồng. Kết quả sử dụng chất lượng phân bón được bà con nông dân đánh giá cao.

### **3.3. Mô hình sử dụng phân bón HCVSVĐCN bón cho cây trồng**

#### *a. Đối với mô hình cà phê*

Kết quả đánh giá cho thấy, vườn mô hình cà phê năng suất thu được là 4,40 tấn/ha cao hơn 0,10 tấn/ha so với vườn đối chứng năng suất đạt 4,30 tấn/ha, tỷ lệ % tăng so với đối chứng là 2,3%.

Sau khi sử dụng phân bón HCVSVĐCN nhận thấy cây xanh tốt, ra nhiều hoa, ít bị rụng quả non hơn so với không bón. Như vậy, theo các kết quả đánh giá cho thấy, sử dụng phân bón HCVSVĐCN bón cho cây cà phê có khả năng làm tăng năng suất, cải tạo tốt đất trồng, đồng thời hạn chế được bệnh hại bộ rễ cây.

#### *b. Đối với mô hình hồ tiêu*

Năng suất hồ tiêu ở 2 mô hình đều cao hơn so với vườn đối chứng và tương đương với mức tăng 3,8%.

#### *c. Đối với mô hình điều*

Vườn mô hình năng suất thu được 2,38 tấn/ha cao hơn 0,08 tấn/ha so với vườn đối chứng năng suất đạt 2,30 tấn/ha, tỷ lệ tăng so với đối chứng là 3,5%.

#### *d. Đối với mô hình cao su*

Xét độ độc của phân HCVSVĐCN đến cây cao su ở thời điểm các tháng theo dõi đều không thấy gây hại cho cây.



**So sánh hiệu quả sử dụng phân bón HCVSVDN trên các đối tượng cây trồng**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Loại cây trồng	Sử dụng phân bón HCVSVDN kết hợp với phân NPK	Canh tác truyền thống kết hợp với phân NPK
<b>Cây cà phê (01 ha)</b>		
Chi phí phân bón và nhân công	40.000	45.000
Doanh thu	167.200	163.400
Hiệu quả	127.200	118.400
Hiệu quả kinh tế vượt	8.800	
<b>Cây hồ tiêu (01 ha)</b>		
Chi phí phân bón và nhân công	43.000	48.000
Doanh thu	397.200	387.000
Hiệu quả	354.200	339.000
Hiệu quả kinh tế vượt	15.200	
<b>Cây điều (01 ha)</b>		
Chi phí phân bón và nhân công	12.500	16.250
Doanh thu	47.600	46.000
Hiệu quả	35.100	29.750
Hiệu quả kinh tế vượt	5.350	

*Ghi chú: Bảng trên chi phân tích sự khác biệt về phân bón và giá trị gia tăng năng suất trên các đối tượng cây trồng*

3.4. Hiệu quả kinh tế khi sử dụng phân bón HCVSVDN bón cho cây trồng

Kết quả sử dụng phân bón HCVSVDN từ các phế phụ phẩm nông nghiệp tại Đắk Nông nhận thấy hiệu quả kinh tế về sử dụng phân bón HCVSVDN như sau:

**4. Hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của dự án**

**4.1. Hiệu quả về kinh tế**

- Sử dụng chế phẩm và phân bón hữu cơ vi sinh vật đa chức năng bón cho cây trồng giúp giảm chi phí sử dụng phân bón hóa học và góp phần phát triển nông nghiệp bền vững.

- Với giá thành hai sản phẩm của dự án “Áp dụng công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh vật đa chức năng và phân bón hữu cơ vi sinh vật đa chức năng tại tỉnh Đắk Nông” hợp lý thì người dân tiết kiệm được chi phí khá lớn. Nếu người dân sản xuất phân HCVSVDN trực tiếp tại nông hộ, tận dụng nguồn nguyên liệu hiện có tại chỗ thì chi phí sẽ rất thấp.

**4.2. Hiệu quả về xã hội**

- Sản xuất chế phẩm VSVĐCN và phân bón HCVSVDN sẽ thu hút được một lực lượng lao động đáng kể tại địa phương. Số lượng

này sẽ tăng lên đáng kể khi tính ưu việt của phân bón hữu cơ vi sinh đa chức năng được khẳng định và sản xuất mang tính đại trà. Khi được đào tạo và làm việc thì đây là một lực lượng rất hữu ích trong việc tuyên truyền, quảng bá sử dụng phân bón HCVSVDN đối với cộng đồng.

- Sử dụng phân bón HCVSVDN không chỉ đem lại lợi ích thiết thực mà còn làm cho đất tơi xốp, phì nhiêu vì được bổ sung một lượng mùn hữu cơ đã được chuyển hóa hàng năm, vừa tái tạo hệ sinh thái đất do hoạt động của



các chủng vi sinh vật có ích khi được đưa vào trong đất.

- Sử dụng phân bón HCVSVĐCN thường xuyên sẽ giảm được các loại phân bón hóa học, làm tăng chất lượng sản phẩm. Chống ô nhiễm môi trường, tận dụng nguồn phế phụ phẩm nông nghiệp, các chất hữu cơ dư thừa sau chế biến... giảm được sự rửa trôi các chất hóa học vào môi trường.

- Tạo thói quen cho nông dân về việc sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh vật nói chung và phân bón HCVSVĐCN nói riêng theo hướng canh tác bền vững, cải thiện độ phì của đất, gia tăng giá trị kinh tế của nông sản.

### 5. Khả năng duy trì phát triển và nhân rộng kết quả

Hiện nay, phân bón HCVSVĐCN đã được người dân ở trong và ngoài tỉnh ưa chuộng và đặc biệt việc sản xuất cũng tương đối phù hợp với người dân nên việc nhân rộng mô hình là điều hoàn toàn có cơ sở. Theo đánh giá thăm dò nhu cầu sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh vật nói chung tại một số huyện/thị trong tỉnh là đa số các địa phương đều có nhu cầu sử dụng.

Cơ quan chủ trì đã và đang thông qua chương trình tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật để giới thiệu đến các địa phương khác về quy trình công nghệ sử dụng chế phẩm VSVĐCN làm phân bón HCVSVĐCN cho các huyện/thị trên địa bàn tỉnh.

### Kết luận và kiến nghị

Kết luận

Qua hai năm triển khai thực hiện dự án đạt được một số kết quả sau:

- Tiếp nhận tám quy trình công nghệ phục vụ cho sản xuất chế phẩm VSVĐCN và phân bón HCVSVĐCN phù hợp với điều kiện sản xuất tại tỉnh Đắk Nông.

- Xây dựng được một mô hình sản xuất chế phẩm VSVĐCN với quy mô 2.000kg dạng bột và 200 lít dạng lỏng/năm, chất lượng của chế phẩm vi sinh vật đảm bảo mật độ vi sinh vật có ích  $\geq 10^9$  cfu/g; Một mô hình sản xuất phân bón HCVSVĐCN với công suất 2.000 tấn/năm phù hợp với điều kiện sản xuất tại tỉnh Đắk Nông.

- Sản xuất được 2.502 tấn phân bón HCVSVĐCN bảo đảm chất lượng theo quy định tại Thông tư 36/2010/TT-BNN&PTNT ngày 24/6/2010, mật độ vi sinh vật đạt  $10^6$  cfu/g, ẩm độ giới hạn phân bón dạng bột không vượt quá 30% và hàm lượng hữu cơ tổng số không thấp hơn 15%.

- Xây dựng bốn mô hình (quy mô 01 ha/mô hình/01

loại cây trồng) sử dụng chế phẩm VSVĐCN và phân bón HCVSVĐCN bón cho cây trồng như: Cà phê, hồ tiêu, điều và cao su. Sản phẩm được người sử dụng đánh giá cao vì đã làm tăng khả năng sinh trưởng phát triển và năng suất chất lượng, giảm sâu bệnh hại và giảm chi phí thuốc Bảo vệ thực vật, qua đó mang lại lợi ích cho nông dân.

- Đào tạo 06 cán bộ kỹ thuật viên cơ sở cho Trung tâm và tập huấn cho hơn 200 nông dân về quy trình kỹ thuật sản xuất, sử dụng chế phẩm VSVĐCN và phân bón HCVSVĐCN.

### Kiến nghị

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng việc sử dụng chế phẩm VSVĐCN và phân bón HCVSVĐCN tại các vùng trồng cà phê, hồ tiêu, điều và cao su... trong và ngoài tỉnh.

- Nhân rộng mô hình này trên nhiều địa phương.

- Khuyến cáo sử dụng chế phẩm VSVĐCN và phân bón HCVSVĐCN trên các đối tượng cây trồng khác nhau.



Cà phê Đắk Nông

Ảnh: TL



# NHỮNG CẢNH BÁO VỀ TÌNH HÌNH THỜI TIẾT TRONG 3 THÁNG ĐẦU VỤ ĐÔNG XUÂN NĂM 2015-2016 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

Thái Ngọc Tuyết

Phòng Dự báo - Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Tây Nguyên

Theo hầu hết các Trung tâm dự báo khí hậu trên thế giới nhận định, cường độ của hiện tượng El Nino tiếp tục tăng dần và có khả năng đạt giá trị cao nhất vào những tháng cuối năm 2015. Ngoài cường độ mạnh, nhiều khả năng El Nino 2015 - 2016 cũng sẽ trở thành một trong những El Nino kéo dài nhất trong khoảng 60 năm qua, kể từ khi có những quan trắc chi tiết về hiện tượng này.

Trên cơ sở tổng hợp các kết quả từ các Trung tâm dự báo khí hậu trên thế giới, kết quả dự báo của mô hình và số liệu thống kê trung bình nhiều năm (TBNN) trong thời kỳ các tháng 11, 12 và 01 ở một số địa điểm trên địa bàn tỉnh

Đắk Nông. Từ đó, chúng tôi đưa ra một số cảnh báo về tình hình thời tiết trong 3 tháng đầu vụ đông xuân năm 2015 - 2016 ở tỉnh Đắk Nông.

## I. NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN VỀ TÌNH HÌNH THỜI TIẾT TỈNH ĐẮK NÔNG TRONG 3 THÁNG ĐẦU VỤ ĐÔNG XUÂN 11, 12 VÀ 01:

Chuỗi số liệu được sử dụng là số liệu mưa TBNN của 4 điểm đo (Đắk Mil, Gia Nghĩa, Cư Jút và Đức Xuyên) đại diện cho các khu vực khí hậu của Đắk Nông:

a. Kết quả tính toán về tình hình mưa được dẫn ra trong bảng 1.

Bảng 1. Lượng mưa và số ngày mưa TBNN trong các tháng 11, 12 và 01.

Địa điểm	Tháng	Lượng mưa trung bình (mm)	Số ngày mưa trung bình (ngày)
Đắk Mil	11	90.7	9
	12	19.0	5
	1	3.0	1
Gia Nghĩa	11	78.7	11
	12	20.8	4
	1	15.7	3
Cư Jút	11	77.4	7
	12	13.7	2
	1	2.0	1
Đức Xuyên	11	80.0	7
	12	18.1	3
	1	1.8	1



Từ bảng 1 chúng ta có thể nhận thấy số ngày mưa trên các khu vực ở tỉnh Đắk Nông trong các tháng đầu mùa đông có những đặc trưng cơ bản như sau:

- Trong tháng 11 là tháng đầu mùa khô, lượng mưa TBNN trong tháng này ở khu vực phía Tây và Trung tâm tỉnh đều thấp hơn 100mm với từ 7 – 11 ngày mưa.

- Trong tháng 12, các khu vực trong tỉnh thời tiết chủ yếu chịu ảnh hưởng gió mùa đông bắc hoạt động khá ổn định nên rất ít mưa, lượng

mưa trung bình phổ biến từ 10 - 20mm với từ 2 – 5 ngày mưa.

- Trong tháng 01, là một trong những tháng giữa mùa khô nên ở hầu hết các nơi trong tỉnh phổ biến không mưa hoặc có mưa nhỏ lượng không đáng kể. Lượng mưa trong tháng này ở hầu hết các nơi phổ biến dưới 5mm với 1 - 3 ngày mưa.

*b. Kết quả tính toán về nhiệt độ được trình bày trong bảng 2.*

*Bảng 2. Nhiệt độ trung bình (°C) và những cực trị của chúng trong các tháng 11, 12 và 01:*

Địa điểm	Tháng	Nhiệt độ trung bình	Nhiệt độ cao nhất	Nhiệt độ thấp nhất
Đắk Mil	11	22	29	16
	12	21	28	14
	1	20	30	13
Gia Nghĩa	11	22	31	15
	12	21	30	12
	1	20	32	11

Từ bảng 2 cho thấy diễn biến nhiệt độ trung bình và nhiệt độ thấp nhất ở các nơi trên địa bàn tỉnh trong các tháng mùa đông có xu thế giảm dần từ tháng 11 đến tháng 01 năm sau, riêng về yếu tố nhiệt độ cao nhất giảm dần từ tháng 11 đến tháng 12 và tăng dần vào tháng 01 năm sau. Cụ thể như sau:

- Nhiệt độ trung bình tháng nhận giá trị

trong khoảng từ 20 - 22°C.

- Nhiệt độ cao nhất tháng nhận giá trị trong khoảng từ 28 - 32°C.

- Nhiệt độ thấp nhất tháng nhận giá trị trong khoảng từ 11 - 16°C.

*c. Kết quả tính toán về độ ẩm được trình bày trong bảng 3.*

*Bảng 3. Độ ẩm trung bình và độ ẩm thấp nhất (%) trong các tháng 11, 12 và 01:*

Địa điểm	Tháng	Độ ẩm trung bình	Độ ẩm thấp nhất
Đắk Mil	11	87	52
	12	85	51
	1	79	43
Gia Nghĩa	11	83	47
	12	80	42
	1	77	36



Đặc điểm chung về diễn biến thời tiết trong 3 tháng 11, 12 và 01 chính là sự hạ thấp của nền nhiệt độ, sự suy giảm về mưa và độ ẩm theo quy

luật thời gian. Bản chất của sự hạ thấp nhiệt độ, sự suy giảm về mưa và độ ẩm trong thời kỳ này tương đối ổn định và đều đặn.

## II. KẾT QUẢ DỰ BÁO MƯA VÀ NHIỆT ĐỘ 3 THÁNG ĐẦU VỤ ĐÔNG XUÂN NĂM 2015 - 2016 TỪ MÔ HÌNH DỰ BÁO KHÍ HẬU:

### 1. Về lượng mưa:

Trong ba tháng 11, 12 năm 2015 và 01 năm 2016, lượng mưa ở tỉnh Đắk Nông có khả năng hụt chuẩn (thấp hơn TBNN) trên hầu hết các nơi trong tỉnh, với xác suất khoảng từ 8 đến 10%.

Kết quả dự báo mưa các tháng 11,12 và 01 tại một số điểm đo:

Điểm đo	Chuẩn sai (mm)	Xác suất hụt chuẩn (%)	Xác suất cận chuẩn (%)	Xác suất vượt chuẩn (%)
Đắk Mil	-150	89	11	0
Gia Nghĩa	-220	100	0	0
Cư Jút	-300	80	20	0
Đức Xuyên	-460	76	14	0

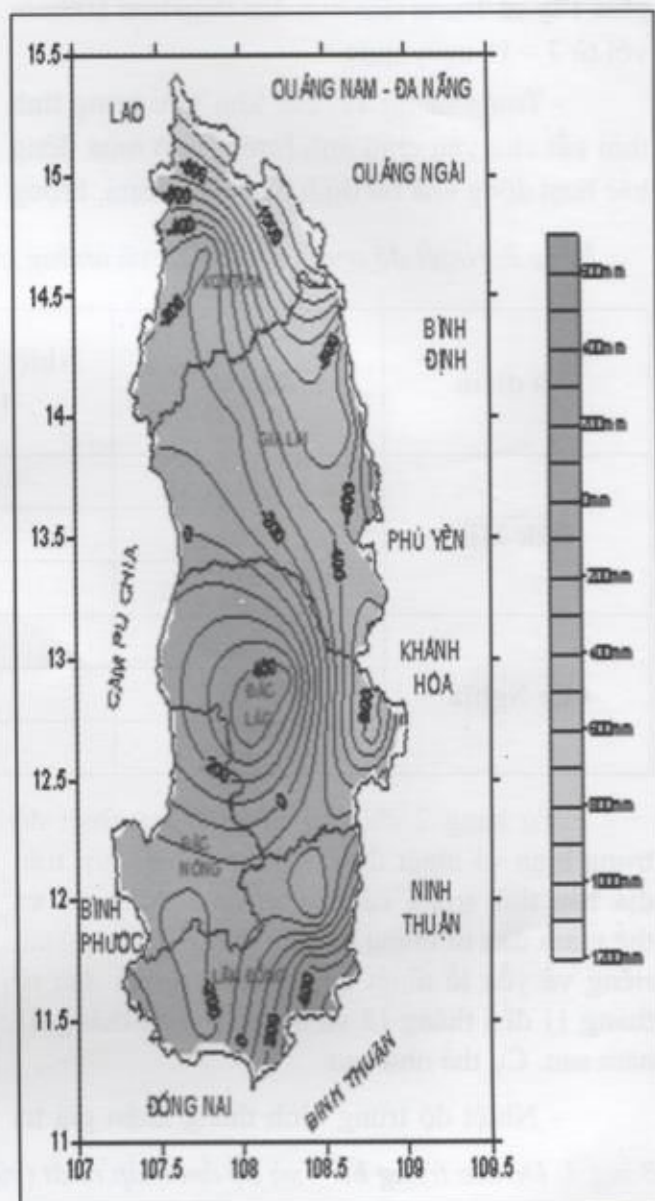
Chuẩn sai (sai số so với TBNN) của lượng mưa trong thời kỳ này trên hầu hết các nơi trong tỉnh dao động từ -150 đến -460mm (Hình 1).

### 2. Về nhiệt độ.

Trong 3 tháng 11, 12 năm 2015 và 01 năm 2016 nền nhiệt độ tỉnh Đắk Nông khả năng xấp xỉ TBNN xảy ra ở hầu hết các khu vực trong tỉnh với xác suất khá cao, từ 75 – 86%. Cá biệt ở Đắk Mil khả năng hụt chuẩn (thấp hơn TBNN) nhiệt

độ trong thời kỳ này với xác suất rất cao, từ 90 – 100%.

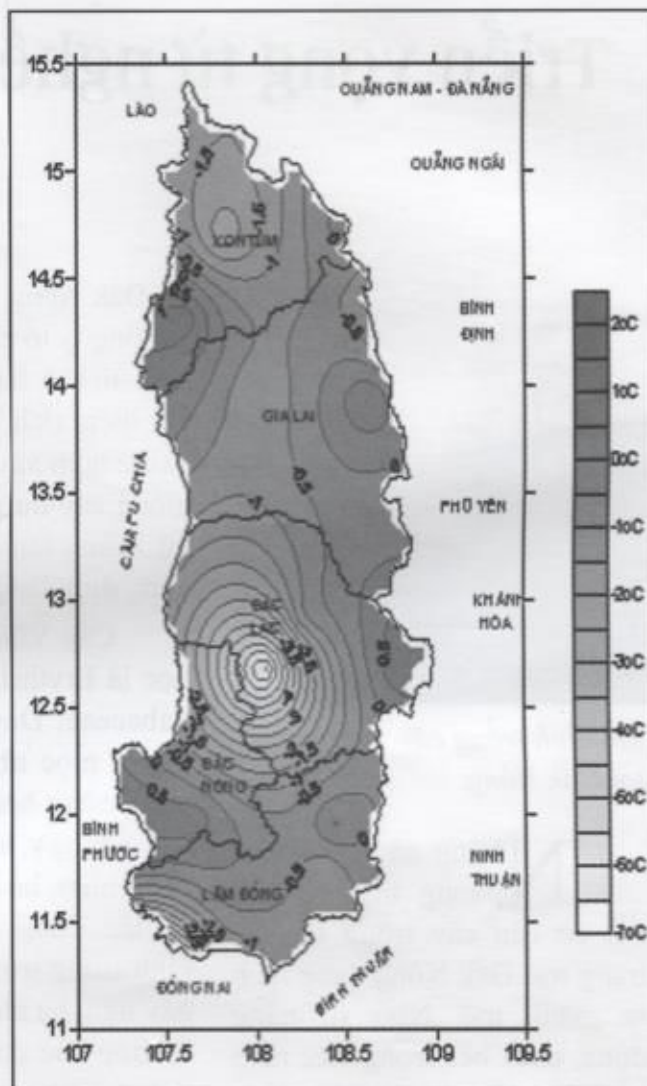
Kết quả dự báo nhiệt độ các tháng 11,12, 01 tại một số điểm đo:



Hình 1. Bản đồ dự báo chuẩn sai lượng mưa



Điểm đo	Chuẩn sai (°C)	Xác suất hụt chuẩn (%)	Xác suất cận chuẩn (%)	Xác suất vượt chuẩn (%)
Đắk Mil	-1.2	100	0	0
Gia Nghĩa	+0.5	0	17	83
Cư Jút	+0.3	0	14	86
Đức Xuyên	+0.4	0	25	75



Chuẩn sai (sai số so với TBNN) của nhiệt độ trong thời kỳ này dao động từ -1.2 đến +0.5 °C ở hầu hết các nơi trong tỉnh (Hình 2).

Hình 2. Bản đồ dự báo chuẩn sai nhiệt độ

### III. NHỮNG CẢNH BÁO VỀ TÌNH HÌNH THỜI TIẾT TRONG 3 THÁNG ĐẦU VỤ ĐÔNG XUÂN NĂM 2015 – 2016 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG:

Bản chất của El Nino là sự nóng lên bất thường của nhiệt độ và tình trạng ít mưa trong thời kỳ này. Nền nhiệt độ trung bình có xu hướng cao hơn TBNN và xuất hiện nhiều hơn các kỷ lục về nắng nóng. Mùa mưa đến muộn và kết thúc sớm, tổng lượng mưa phổ biến thiếu hụt so với TBNN ở hầu hết các khu vực. Tuy nhiên, những kỷ lục về mưa lớn trong thời đoạn ngắn cũng vẫn thường xuất hiện trong các năm El Nino mạnh.

**Do sự thiếu hụt lượng mưa ở Tây Nguyên nói chung và ở tỉnh Đắk Nông nói riêng trong các tháng 11, 12 năm 2015 và 01 năm 2016 nên**

**tình trạng khô hạn, thiếu nước có khả năng xảy ra sớm hơn nhiều so với TBNN.**

Tóm lại, lượng mưa trong thời kỳ này có xu hướng giảm dần. Các tháng 11, 12 năm 2015 và 01 năm 2016 ở Tây Nguyên nói chung và ở Đắk Nông nói riêng là thời kỳ mùa khô, chính vì vậy cần đề phòng tình trạng ít mưa kéo dài và khô nóng cục bộ, do đó các địa phương, cần sớm có các biện pháp chủ động phòng chống hạn hán, quản lý và sử dụng nguồn nước phù hợp để tránh thiếu nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất./.



# Triển vọng từ nghề trồng cây dược liệu

Bài, ảnh: Phạm Văn Đức



Mô hình trồng cây Vông nem tại Đắk Nông.

Những năm gần đây, phong trào chuyên đổi cơ cấu cây trồng tại các trang trại Đắk Nông đang diễn ra mạnh mẽ. Nhờ sự năng động, nhạy bén trong việc nắm bắt nhu cầu thị trường, phát triển những cây trồng mới đã đem lại bước đột phá trong phát triển kinh tế của nhiều trang trại. Trang trại của công ty Bình Quốc An Khang trồng cây dược liệu tại Thôn 4, xã Đắk Sin, huyện Đắk R'lấp bước đầu trở thành điểm sáng trong xây dựng Nông thôn mới được nhiều hộ nông dân trong tỉnh đến thăm quan, học tập.

Thực hiện chính sách thu hút đầu tư, huyện Đắk R'lấp đã tạo điều kiện cho công ty TNHH Bình Quốc An Khang triển khai Dự án trồng cây dược liệu với quy mô 300 ha.

Đây là mô hình trang trại trồng cây dược liệu đầu tiên

tại Đắk Nông. Trong giai đoạn I, Công ty tổ chức sản xuất trên diện tích 6 ha, bước đầu toàn bộ diện tích đang trồng cây Vông nem và sản xuất các loại giống cây dược liệu như Trinh nữ hoàng cung, cỏ ngọt, vông nem, đinh lăng...

Cây Vông nem tên khoa học là *Erythrina orientalis*, họ Fabaceae. Đây là loại cây dễ trồng, mọc nhiều ở hàng rào, ven đường hoặc vùng đồi núi. Theo đông y, lá Vông nem có vị đắng nhạt, hơi chát, tính bình; có tác dụng ức chế hệ thần kinh trung ương, làm an thần, gây ngủ, hạ nhiệt, hạ huyết áp, co bóp các cơ, sát trùng, tiêu tích, trừ phong thấp. Ngoài ra, vỏ cây còn có tác dụng khử phong thông lạc, sát trùng, làm tê liệt, trấn tĩnh. Toàn bộ diện tích trên đã cho thu hoạch 1 năm nay, mỗi tháng vườn cho thu 3 tấn lá. Để tạo đầu ra ổn định cho cây Vông nem, Công ty đã liên hệ và ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm với công ty Cổ phần Dược phẩm OPC. Mỗi tấn lá dược Công ty OPC thu mua với giá 50 triệu đồng/tấn, cho tổng thu gần 2 tỷ đồng, trừ chi phí lãi ròng 1,2 tỷ đồng. Trong quá trình chăm sóc, Công ty đã sử dụng phân bón hữu cơ kết hợp với vi sinh để bón, chăm sóc cho vườn dược liệu nhằm đáp ứng các

tiêu chuẩn dược liệu sạch cung cấp cho bạn hàng xuất khẩu.

Hiện tại, vườn ươm giống đạt 90% diện tích ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước, tưới phun sương nhỏ giọt đạt tiêu chuẩn VietGAP. Năm 2015, 2016 Công ty dự định mở rộng diện tích lên 20ha giống dược liệu đồng thời xây dựng nhà máy chế biến dược liệu.

Trong giai đoạn II, Công ty kế hoạch liên kết với các hộ dân sản xuất nguyên liệu dược ứng dụng công nghệ sinh học, cung ứng giống, phân bón vi sinh, thuốc phòng trừ sâu bệnh,... và ký kết hợp đồng thu mua, bao tiêu sản phẩm, triển khai sản xuất và chế biến nguyên liệu dược, mở rộng diện tích trồng cây dược liệu, tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương (khoảng 900 lao động), tăng giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích. Sản lượng 1.500 tấn/năm, năng suất bình quân 06 tấn/ha, doanh thu đạt khoảng 300 triệu đồng/ha/năm.

Với những thành công bước đầu cũng như những tín hiệu tích cực từ phát triển cây Vông nem dược liệu cho thấy sự mạnh dạn, năng động, dám nghĩ, dám làm trong việc chuyên đổi cơ cấu cây trồng của người nông dân tỉnh ta, góp phần phát triển kinh tế gia đình và xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp./.



## NGHIỆM THU CẤP TỈNH DỰ ÁN: “ỨNG DỤNG ĐỒNG BỘ MỘT SỐ TIẾN BỘ KỸ THUẬT XÂY DỰNG MÔ HÌNH SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN CÀ PHÊ THEO HƯỚNG AN TOÀN, BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG”

Ngày 08/9/2015, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông tổ chức Hội đồng khoa học đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh dự án “Ứng dụng đồng bộ một số tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất, chế biến cà phê theo hướng an toàn, bền vững trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông”. Hội đồng khoa học do ông Hồ Gấm - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng.



Hội đồng nghiệm thu làm việc

Dự án thuộc Chương trình Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ (KH&CN) phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 - 2015, ủy quyền Địa phương quản lý do Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên là cơ quan chuyên gia công nghệ, Hội Nông dân huyện Đắk Mil chủ trì thực hiện, ThS. Nguyễn Thị Tinh - Chủ tịch Hội LHPN huyện Đắk Mil làm chủ nhiệm dự án.

Sau 03 năm triển khai thực hiện, dự án đã đạt được mục tiêu đề ra là chuyển giao đồng bộ các tiến bộ khoa học

kỹ thuật, đồng thời nâng cao kiến thức và kỹ năng trong sản xuất cà phê cho nông dân trên địa bàn huyện Đắk Mil nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế; đảm bảo sản phẩm cà phê an toàn, sản xuất cà phê bền vững. Từ đó làm hạt nhân nhân rộng ra toàn huyện và các địa phương lân cận để trong thời gian không xa, sản phẩm cà phê của huyện nói riêng và của tỉnh Đắk Nông nói chung có chất lượng ngang hàng với các nước trong khu vực, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và thế giới. Bên cạnh đó, dự án cũng đã tổ chức triển khai đầy đủ các nội

dung và đảm bảo tiến độ như thuyết minh đã được phê duyệt. Cụ thể là:

- Xây dựng và chuyển giao được 01 vườn nhân chồi có diện tích 2.000m<sup>2</sup> gồm 05 dòng vô tính cà phê với chọn lọc, đảm bảo cung cấp hàng năm bình quân 200.000 chồi ghép tốt để phục vụ cho việc ghép cải tạo diện tích cà phê với hiện có và sản xuất cây con giống phục vụ trồng mới, trồng thay thế, trồng nhân chồi;

- Đánh giá được 05 dòng vô tính cà phê với chọn lọc TR4, TR9, TR11, TR12, TR13 cho sinh trưởng, phát triển tốt và năng suất cao phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện Đắk Mil;

- Xây dựng được 02 vùng mô hình thâm canh cà phê tổng hợp với diện tích 100 ha cà phê với kinh doanh hiện có dựa trên việc ứng dụng đồng bộ một số tiến bộ kỹ thuật trong canh tác, thu hoạch và đã giúp làm tăng thêm năng suất bình quân 0,696 tấn/ha/năm, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế; đảm bảo sản phẩm cà phê an toàn, sản xuất cà phê bền vững;



- Xây dựng được mô hình thu hoạch và chế biến cà phê phù hợp với quy mô nông hộ, góp phần làm tăng sản lượng và thu nhập vườn cây của mô hình;

- Xây dựng thành công mô hình xử lý vỏ cà phê sau chế biến làm phân hữu cơ sinh học và đã giúp người nông dân tự sản xuất được phân bón có chất lượng cao cung cấp cho cây trồng, đồng thời góp phần làm hạn chế ô nhiễm môi trường;

- Xây dựng thành công mô hình sản xuất cà phê theo tiêu chuẩn thương mại công bằng của FLO (*Fairtrade Labeling Organization*), bước đầu hình thành nhóm nông dân

sản xuất cà phê cấp chứng nhận và đã giúp làm tăng giá trị mua bán của sản phẩm cà phê trên thị trường;

- Chuyển giao được 07 quy trình công nghệ liên quan đến cà phê; đào tạo được 30 kỹ thuật viên về sản xuất cà phê; tập huấn kỹ thuật cho 700 lượt người và hội thảo nhân rộng cho 200 lượt người về các kỹ thuật chủ yếu góp phần sản xuất cà phê an toàn, bền vững.

Việc triển khai dự án đã mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường rất lớn, đồng thời các kết quả đạt được khẳng định sự đóng góp của KH&CN trong việc tăng năng suất cây

trồng, tăng hiệu quả sản xuất và sử dụng tài nguyên bền vững, hợp lý, thông qua đó góp phần xóa đói giảm nghèo ở khu vực nông thôn và miền núi.

Với những kết quả đạt được, Hội đồng khoa học đã thống nhất nghiệm thu đánh giá xếp loại Xuất sắc. Sau khi dự án được tổ chức nghiệm thu cấp tỉnh, cơ quan chủ trì và chủ nhiệm dự án đã và đang hoàn tất các hồ sơ, thủ tục liên quan, đồng thời chỉnh sửa các nội dung theo ý kiến của các thành viên Hội đồng trước khi nộp sản phẩm về Sở KH&CN./.

Tin, ảnh : Lê Hoàng

## PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC...

(Tiếp theo trang 11)

cho việc nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh học còn thiếu thốn và lạc hậu. Đội ngũ cán bộ chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ sinh học còn thiếu về số lượng, chưa phát huy hết năng lực; ngân sách địa phương đầu tư cho KH&CN còn thấp (đạt 0,5% tổng chi ngân sách địa phương) so với mục tiêu mà Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII đề ra (chi cho sự nghiệp khoa học và công nghệ đạt 2% tổng chi ngân sách địa phương). Chế độ chính sách đãi ngộ cho cán bộ còn nhiều bất cập so với yêu cầu. Một số mô hình trình diễn về sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi có kết quả sản phẩm tốt, nhưng số lượng ít, không

chuẩn bị được thị trường tiêu thụ, nên không thể phổ biến nhân rộng.

Trong thời gian tới, nhằm đưa việc phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào đời sống của nhân dân cần phải tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai, ứng dụng rộng rãi và có hiệu quả vào sản xuất, đời sống một cách có chọn lọc và phù hợp với điều kiện của địa phương, chú trọng nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi công nghệ sinh học để hỗ trợ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, tập trung vào các sản phẩm chủ lực có đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc của sản

xuất và đời sống, nâng cao thu nhập cho người dân. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững. Ưu tiên đầu tư xây dựng những cơ sở hạ tầng công nghệ sinh học thiết yếu và tạo điều kiện thuận lợi, gắn kết hiệu quả các tổ chức nghiên cứu và dịch vụ KH&CN. Tránh đầu tư một cách dàn trải, ưu tiên lựa chọn nội dung đầu tư trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của tỉnh, tạo ra những ngành nghề mới, tạo ra sản phẩm hàng hóa có sức cạnh tranh cao, nâng cao vị thế kinh tế của tỉnh.



## HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH XÉT DUYỆT DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2016

Ngày 02/10/2015, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tổ chức hội đồng xác định danh mục các nhiệm vụ KH&CN năm 2016, gồm 2 lĩnh vực: Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội và nhân văn.

Hội đồng xét duyệt lĩnh vực Khoa học tự nhiên do ông Phạm Ngọc Danh - Giám đốc Sở làm chủ tịch, cùng 11 ủy viên là đại diện Sở KH&CN, Sở Công thương, Sở NN&PTNT, Sở TNMT, Hội Nông dân tỉnh.

Hội đồng xét duyệt lĩnh vực Khoa học xã hội và nhân văn do ông Mai Vinh Quang - Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông làm chủ tịch, cùng 11 ủy viên là đại diện

Sở KH&CN, Sở GD&ĐT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Ban Dân tộc, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở LĐT&XH, sở VH&TDL, Sở Y tế, Trường Chính trị tỉnh.

Nhóm đề tài Khoa học tự nhiên bao gồm các lĩnh vực: Khoa học nông nghiệp, Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật và Công nghiệp, Y dược. Nhóm đề tài Khoa học xã hội và nhân văn bao gồm các lĩnh vực: Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cộng đồng, Quản lý và phát triển kinh tế, phát triển giáo dục, xã hội văn hóa con người.

Theo đánh giá của các thành viên Hội đồng, trong danh mục các đề tài, dự án được đề xuất lần này có một số

đề tài rất cấp thiết, hàm lượng khoa học cao. Bên cạnh đó, vẫn còn một số đề tài đặt tên chưa phù hợp, một số đề tài đã nghiên cứu hoặc không cần thiết nghiên cứu. Ngoài ra, đại diện lãnh đạo các Sở, ngành liên quan tham gia làm thành viên Hội đồng cũng có ý kiến đánh giá và góp ý mang tính thực tiễn rất cao, làm cơ sở để Hội đồng lựa chọn ra được những đề tài, dự án sát thực với nhu cầu của địa phương.

Các đề tài, dự án đạt được số phiếu cao của Hội đồng sẽ được Sở KH&CN xem xét, lập danh sách trình UBND tỉnh phê duyệt.

Tin: NM

## CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH TỈNH ĐẮK NÔNG

Ngày 21/9/2015 UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ.

Với mục tiêu tuyên truyền, tạo sự chuyển biến về nhận thức, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của doanh nghiệp trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, xem doanh nghiệp là đối tượng để phục vụ; Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, rà soát đơn giản hóa

quy trình xử lý, giảm số lượng và đơn giản hóa nội dung, rút ngắn thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính, đặc biệt là thủ tục liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp, nhà đầu tư như: Thuế, đất đai, môi trường, xây dựng, bảo hiểm, đầu tư...; Phần đầu trong năm 2015 chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tăng 3 - 4 bậc, đến năm 2016 được xếp vào nhóm hạng khá. Kế hoạch cũng đã đề ra các chỉ tiêu chủ yếu.

Để đạt được mục tiêu đề ra, đòi hỏi có sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt của những người đứng đầu, sự đồng thuận

của cộng đồng doanh nghiệp và thống nhất thực hiện một số giải pháp như: Giải pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong cộng đồng doanh nghiệp; Cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường sản xuất kinh doanh; Giải pháp chính sách hỗ trợ tiếp cận thị trường, mở rộng sản xuất kinh doanh, tiếp cận nguồn vốn; Giải pháp về đào tạo nguồn lao động; Hỗ trợ về thông tin và tư vấn doanh nghiệp; Giải pháp hỗ trợ đổi mới, nâng cao năng lực công nghệ, trình độ kỹ thuật và hỗ trợ pháp lý.

BBT



## ĐOÀN CÔNG TÁC DỰ ÁN JICA-VNU BIOMASS THĂM VÀ LÀM VIỆC TẠI ĐẮK NÔNG



Ông Phạm Ngọc Danh - GD Sở KH&CN Đắk Nông phát biểu tại buổi làm việc với đoàn công tác của Dự án JICA-VNU BIOMASS

Sau một thời gian khảo sát thực địa vùng trồng cây có dầu và vùng trồng cây đước liệu; đồng thời, khảo sát tình hình kinh tế - xã hội, tập quán canh tác của một số cộng đồng dân cư, khảo sát điều kiện tự nhiên, khí hậu đất đai, môi trường một số vùng trong tỉnh để xây dựng dự án “Phát triển vùng nguyên liệu lấy dầu sản xuất diesel sinh học và các sản phẩm có ích khác, nhằm cải thiện môi trường, giảm thiểu biến đổi khí hậu và góp phần tăng thu nhập của người dân vùng sâu vùng xa” tỉnh Đắk Nông của đoàn công tác Dự án JICA-VNU BIOMASS (Ban quản lý dự án hỗ trợ kỹ thuật Việt Nam - Nhật Bản “Giải pháp đa lợi ích giảm thiểu biến đổi khí hậu ở Việt Nam và các nước Đông Dương bằng phát triển năng lượng sinh học”).

Trong quá trình khảo sát, Đoàn đã phát hiện cây Hồng hoa (*Hibiscus sabdariffa*), một loại cây được bà con trồng nhiều với mục đích lấy đài qua sử dụng cho ngành chế biến thực phẩm, mỹ phẩm và dược phẩm. Trong đó, chủ yếu là chế biến món ăn và pha chế như trộn salad, nấu canh, kho cá, gia vị lẩu, làm bánh, thạch, kem, pha cocktail... Tuy nhiên, kết quả phân tích đã cho thấy, khả năng ứng dụng của cây Hồng hoa còn cao hơn nữa. Cụ thể : Dịch chiết có lượng đường: 15%, dầu: 15%, còn lại 2,3% là các hoạt chất ứng dụng trong y học, ngoài ra còn có thể có sự tồn tại của 1 số vitamin như: C, D, E... GS.TS Yasuaki Maeda cho rằng đó là tín hiệu đáng mừng.

Ghi nhận các kết quả đã đạt được, UBND tỉnh Đắk

Nông có công văn số 4540/UBND-NC, ngày 16/9/2015 về việc “ đồng ý cho đoàn chuyên gia nước ngoài đến khảo sát thu hoạch cây Hồng hoa phục vụ xây dựng dự án trên địa bàn tỉnh” nhằm tạo điều kiện cho các chuyên gia trong quá trình làm việc tại tỉnh Đắk Nông.

Ngày 17/9/2015 đoàn công tác Dự án JICA-VNU BIOMASS do GS.TSKH Lưu Văn Bôi - Giám đốc Dự án phía Việt Nam, làm trưởng đoàn cùng đại diện của Viện Hàn Lâm khoa học công nghệ Việt Nam và các chuyên gia Nhật Bản đã có buổi làm việc lần thứ 2 với Sở Khoa học và Công nghệ.

Tại buổi làm việc, ông Phạm Ngọc Danh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ cho biết, cây Hồng hoa là loại cây rất phù hợp với khí hậu thổ nhưỡng địa bàn Tây Nguyên nói chung và tỉnh Đắk Nông nói riêng, cây có thể trồng xen trong các loại cây ngắn ngày hoặc trồng trong vườn tiêu, cao su, cà phê trong những năm đầu, với quỹ đất hiện tại của tỉnh, cây rất có tiềm năng phát triển, ông mong muốn các chuyên gia cùng địa phương xác định được các cây trồng tiềm năng nhằm nâng cao đời sống cho đồng bào tại chỗ và góp phần giảm phát thải khí thải gây hiệu ứng nhà kính.

Tin, ảnh: NM



## ĐẮK NÔNG TỔ CHỨC HỘI THẢO KHOA HỌC VÀ TỌA ĐÀM CÔNG NGHỆ NĂM 2015



Toàn cảnh Hội thảo khoa học và Tọa đàm công nghệ năm 2015

Ảnh: CTV

Ngày 07/10, tại thị xã Gia Nghĩa, Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Hội Thông tin Khoa học và Công nghệ Việt Nam tổ chức Hội thảo khoa học và tọa đàm về công nghệ năm 2015. Ông Nguyễn Đức Luyện - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và ông Nguyễn Văn Lượng - Chủ tịch Hội Thông tin Khoa học và Công nghệ Việt Nam đồng chủ trì buổi Hội thảo. Tham dự Hội thảo có đại diện các Sở, ngành, địa phương, cùng các nhà khoa học, doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh giỏi trong và ngoài tỉnh.

Tại Hội thảo, các nhà khoa học đã trình bày 10 công trình nghiên cứu khoa học và mô hình khoa học công nghệ đang được áp dụng có hiệu quả tại một số tỉnh thành như: Lò xử lý rác Miraway, chế phẩm sinh học dùng cho tái canh cà phê và xử lý tuyến trùng trên cây hồ tiêu, xử lý nước thải nhà máy tinh bột sắn...

Đặc biệt, các đại biểu rất quan tâm đến công nghệ sản xuất gang, thép từ bùn đỏ sau khi khai thác Alumin (công trình đã được Cục sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Bằng độc quyền sáng chế). Theo công trình nghiên cứu khoa học này, sau khi khai thác Alumin, bùn đỏ sẽ không đưa vào

hồ chứa mà sẽ tiếp tục được tận dụng để sản xuất gang thép và gạch không nung.

Sau khi nghe các nhà khoa học trình bày về hiệu quả của việc áp dụng các công trình nghiên cứu khoa học trên địa bàn Đắk Nông, lãnh đạo các Sở, ngành trong tỉnh và nhiều doanh nghiệp đã đặt câu hỏi về tính khả thi, hiệu quả, cũng như những khó khăn, hạn chế trong chuyển giao công nghệ vào Đắk Nông. Trả lời thắc mắc của đại biểu, các nhà khoa học thuộc Hội thông tin khoa học và công nghệ Việt Nam giải đáp cụ thể, mong muốn cùng tỉnh tiếp tục nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ để góp phần tích cực phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường.

Thay mặt Lãnh đạo tỉnh Đắk Nông, ông Nguyễn Đức Luyện đánh giá cao những công trình khoa học và công nghệ được trình bày tại Hội thảo và cho rằng các công trình đều có tính khả thi cao đối với địa phương. Nếu được áp dụng, các công trình khoa học sẽ góp phần tích cực vào quá trình xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là bảo vệ môi trường khi nhà máy Alumin Nhân Cơ sắp đi vào hoạt động./

Đức Thuận



# ĐẮK NÔNG TỔ CHỨC HỘI THẢO KHOA HỌC VỀ THỰC HÀNH NÔNG NGHIỆP TỐT

Ngày 06/10, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Đăk G'long tổ chức Hội thảo khoa học cơ sở lần thứ VIII với chủ đề "Thực hành nông nghiệp tốt, thực trạng và giải pháp". Ông Trần Mạnh Dương - Phó giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và ông Trần Nam Thuận - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đăk G'long đồng chủ trì. Mục tiêu của Hội thảo nhằm chia sẻ kinh nghiệm áp dụng GAP trong sản xuất kinh doanh, cũng như đưa ra các kiến nghị về việc áp dụng GAP trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

Trong những năm qua, ngành nông nghiệp tỉnh cũng đã chú trọng tới sản xuất nông nghiệp theo GAP. Tính đến tháng 6 năm 2015 toàn tỉnh có 8 cơ sở sản xuất nông sản được cấp giấy chứng nhận VietGAP, với tổng diện tích được chứng nhận là 115,9 ha. Trong đó, diện tích rau được chứng nhận VietGAP là 4 ha, được liệt kê là 4,4 ha, cây ăn quả (sầu riêng, cam, quýt, bưởi, măng cụt) là 67 ha, lúa là 40,5 ha. Diện tích cà phê được hỗ trợ chứng nhận theo quy trình 4C, UTZ là 29.071 ha.

Trên thực tế cho thấy, hiện chủng loại sản phẩm và diện tích được chứng nhận GAP trên địa bàn tỉnh Đăk Nông còn ít so với tiềm năng. Nguyên nhân chưa thu hút được sự tham gia của người sản xuất là đầu ra của sản phẩm sản xuất theo tiêu chuẩn GAP chưa ổn định; giá thành của sản phẩm chứng nhận GAP còn cao hơn so với sản phẩm sản xuất thông thường. Bên cạnh đó, mô hình sản xuất theo GAP được thực hiện từ lâu, nhưng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vẫn chưa đưa ra được nhãn



*Các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh được trưng bày tại hội thảo.*

*Ảnh: CTV*

sản phẩm chung đối với các sản phẩm đạt tiêu chuẩn GAP...

Tại Hội thảo, các nhà khoa học, đại diện các ngành chuyên môn, địa phương và doanh nghiệp tập trung thảo luận, đưa ra giải pháp tăng cường ứng dụng kỹ thuật tiên tiến áp dụng phát triển sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn GAP nhằm tạo ra những sản phẩm an toàn, đảm bảo chất lượng, nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp tỉnh Đăk Nông trên thị trường.

Qua đó, các ý kiến đều cho rằng, tỉnh cần tập trung ứng dụng sản xuất theo quy trình GAP vào các cây, con chủ lực mà tỉnh có tiềm năng, thế mạnh như: Cà phê, hồ tiêu, cây lương thực, rau, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc, gia cầm... Các cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương cần đẩy mạnh tuyên truyền, xúc tiến thương mại cũng như hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong việc thực hành sản xuất theo tiêu chuẩn GAP./

Đức Thuận